

Số: 4813 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 02 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 1, năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 4588/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng Trường về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 3266/QĐ-ĐHCT, ngày 15/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3530/QĐ-ĐHCT, ngày 31/07/2025 về định mức học bổng khuyến khích học tập áp dụng từ học kỳ 1, năm học 2025-2026; Quyết định 3859/QĐ-ĐHCT ngày 14/08/2025 về việc phân bổ học bổng khuyến khích áp dụng từ học kỳ 1, năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 3 năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1, năm học 2025-2026 cho **1.355** sinh viên chính quy đang theo học tại Trường Đại học Cần Thơ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích được chi trả theo quy định hiện hành. Thời gian cấp học bổng là học kỳ 1, 2025-2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ, các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PCTSV, T.04.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính

DANH SÁCH HỌC BỔNG
Học Kỳ 1 - Năm Học 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4813 /QĐ-ĐHCT, ngày 02 / 10 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1. Lớp: DA2266A1								
1	B2202230	Nguyễn Văn Hiền	13	91	3.63	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2202266	Huỳnh Thị Như Ý	12	82	3.92	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.496.000 đồng								
2. Lớp: DA2266A2								
1	B2202271	Nguyễn Thị Hồng Chúc	12	99	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2202295	Thạch Sang	12	92	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.760.000 đồng								
3. Lớp: DA2266T1								
1	B2202320	Lê Quang Hào	15	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.700.000 đồng								
4. Lớp: DA2266T2								
1	B2202354	Phạm Thị Diễm Quỳnh	12	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2202372	Lê Khánh Văn	14	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
5. Lớp: DA2308A1								
1	B2300060	Phan Thành Hà	16	95	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300071	Lê Võ Đình Khuê	16	91	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300100	Lê Trần Diễm Quỳnh	14	95	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300114	Thái Tuấn	16	93	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
6. Lớp: DA2308A2								
1	B2300136	Đoàn Tấn Giao	15	91	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300178	Nguyễn Hoàng Phúc Thiện	15	95	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300197	Khâu Mai Quỳnh Vy	17	97	3.76	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300200	Từ Nguyễn Khánh Vy	18	95	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.811.200 đồng								
7. Lớp: DA2308F1								
1	B2300224	Vũ Thanh Hà	13	92	3.69	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2300246	Nguyễn Ngọc Phương Mai	13	92	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng								
8. Lớp: DA2308F2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2300230	Dương Huỳnh Mỹ Hòa	12	95	3.63	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2300273	Nguyễn Trần Trân	13	95	3.58	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng								
9. Lớp: DA2366A1								
1	B2302444	Đỗ Khánh Duy	16	100	3.91	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302494	Trần Thị Trinh Trinh	16	90	3.97	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2302495	Nguyễn Thanh Tú	15	93	3.93	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.288.000 đồng								
10. Lớp: DA2366A2								
1	B2302507	Nguyễn Kỳ Duyên	13	97	3.88	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302509	Dương Phát Đạt	15	96	3.97	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2302546	Hồ Thị Minh Thư	16	95	3.91	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.832.000 đồng								
11. Lớp: DA2366T1								
1	B2302588	Huỳnh Thị Trúc Mai	15	100	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2302590	Nguyễn La Diễm My	15	93	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng								
12. Lớp: DA2366T2								
1	B2302591	Lưu Xuân Hoàn Mỹ	12	100	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2302593	Phạm Lê Mỹ Ngân	12	98	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
13. Lớp: DA23U5A1								
1	B2305818	Trần Văn Nhật Hào	13	87	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2305834	Lê Thị Yến Phương	13	92	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
14. Lớp: DA2408A1								
1	B2400120	Nguyễn Thành Nhân	14	93	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400128	Trần Ngọc Như	15	97	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400148	Lê Trường Thịnh	14	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
15. Lớp: DA2408A2								
1	B2400053	Nguyễn Trúc Anh	12	100	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400116	Lê Thị Hồng Ngọc	13	90	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400154	Phạm Anh Thư	13	93	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
16. Lớp: DA2408A3								
1	B2400252	Văn Thị Thùy Nguyên	12	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400282	Nguyễn Thị Huỳnh Thơ	12	93	3.82	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2400286	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12	98	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
17. Lớp: DA2408A4								
1	B2400292	Trần Thị Cẩm Tiên	14	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400307	Lê Hoàng Tỷ	14	100	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400311	Nguyễn Thanh Vy	12	92	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
18. Lớp: DA2408A5								
1	B2400332	Trần Thị Mỹ Duyên	16	96	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400363	Nguyễn Kha Lil	13	98	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400401	Phan Ngọc Quý	13	100	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
19. Lớp: DA2408A6								
1	B2400323	Huỳnh Ngọc Bích	13	100	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400327	Dương Thị Ngọc Diễm	14	90	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400340	Lê Trí Hải	15	95	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
20. Lớp: DA2408F1								
1	B2400450	Nguyễn Ngọc Lan Anh	13	95	3.58	Giỏi	11.220.000	
2	B2400463	Nguyễn Văn Hợp	13	89	3.58	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							22.440.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
21. Lớp: DA2408F2								
1	B2400510	Nguyễn Khánh Duy	13	96	3.58	Giỏi	11.220.000	
2	B2400513	Trần Duy Định	14	90	3.62	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
22. Lớp: DA2408F3								
1	B2400060	Huỳnh Đoàn Ngọc Châu	13	100	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2400527	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	13	91	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
23. Lớp: DA2466A1								
1	B2403179	Bùi Tấn Khánh	12	100	3.67	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403181	Phạm Anh Khoa	13	100	3.67	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403185	Nguyễn Hoài Luân	13	90	3.83	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2403196	Trương Thị Huỳnh Như	13	92	3.88	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							38.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.080.000 đồng								
24. Lớp: DA2466A2								
1	B2403232	Lý Thanh An	12	97	3.91	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403242	Lê Thị Mỹ Duyên	13	95	4	Xuất sắc	9.520.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2403290	Lê Văn Tính	12	97	4	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2403301	Trần Thị Ngọc Vi	13	92	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							38.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.816.000 đồng								
25. Lớp: DA2466A3								
1	B2403336	Trịnh Lê Trúc Ly	13	95	3.67	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403344	Trần Thiện Nhân	15	93	3.79	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403346	Lê Thị Quỳnh Như	13	91	3.63	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2403357	Phan Nguyễn Thanh Thảo	13	94	3.88	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							38.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.272.000 đồng								
26. Lớp: DA2466A4								
1	B2403382	Trần Thị Thúy An	13	93	3.79	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403414	Bành Gia Ngân	13	93	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403415	Thái Ngọc Ngân	13	90	3.75	Xuất sắc	9.520.000	
4	B2403417	Phan Thị Minh Ngọc	13	93	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							38.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.904.000 đồng								
27. Lớp: DA2466T1								
1	B2403490	Trương Điền Quân	12	97	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
28. Lớp: DA2466T2								
1	B2403476	Bùi Như Mơ	12	95	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng								
29. Lớp: DA24U5A1								
1	B2407889	Quách Thị Kim Đoan	15	90	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2407908	Huỳnh Mỹ Xuyên	14	96	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2407920	Nguyễn Trung Nghĩa	13	97	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
30. Lớp: NN2208A1								
1	B2200065	Đặng Nguyễn Gia Hân	12	93	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200077	Đặng Hoàng Lâm	12	97	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2200091	Phạm Thị Tuyết Nhung	14	93	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2200106	Phạm Nguyễn Châu Sa	12	95	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2200127	Nguyễn Bá Tùng	12	97	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							52.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 45.240.000 đồng								
31. Lớp: NN2208A2								
1	B2200149	Nguyễn Thành Duy	13	95	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200176	Nguyễn Văn Nhanh	13	100	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2200203	Phan Thị Anh Thư	12	90	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2200209	Hồng Huỳnh Bảo Trân	12	90	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2200213	Đào Phương Trúc	12	98	3.88	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							52.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.859.200 đồng								
32. Lớp: NN2208F1								
1	B2200256	Cao Thị Tâm Nhi	12	90	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng								
33. Lớp: NN2208F2								
1	B2200241	Nguyễn Võ Đức Huy	14	92	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.212.000 đồng								
34. Lớp: NN22U5A1								
1	B2205185	Nguyễn Hoàng Kha	13	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205191	Thái Thị Kim Ngân	13	98	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
35. Lớp: DI2295A1								
1	B2203431	Nguyễn Ngọc Chiến	15	95	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203445	Trương Thị Dạ Hương	12	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203471	Nguyễn Ngọc Tâm Thi	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2203488	Lê Thị Yến Vy	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
36. Lớp: DI2296A1								
1	B2203501	Nguyễn Hữu Đức	16	90	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203504	Trần Quốc Huy	16	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203513	Vương Thanh Nghị	19	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
37. Lớp: DI2296F1								
1	B2203567	Mai Nhật Minh	15	100	3.8	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2203588	Lê Lư Huyền Trân	15	100	3.9	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
38. Lớp: DI2296F2								
1	B2203579	La Trí Tâm	13	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng								
39. Lớp: DI22D1A1								
1	B2203604	Dương Phạm Mỹ Hà	15	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2203608	Ngô Trúc Huỳnh	15	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2203635	Huỳnh Đăng Thi	15	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2203641	Nguyễn Quỳnh Trâm	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.816.000 đồng								
40. Lớp: DI22D1A2								
1	B2203651	Tô Ngọc Trâm Anh	12	96	4	Xuất sắc	9.240.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2203663	Tô Quốc Khánh	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2203693	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	15	96	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng								
41. Lớp: DI22D2A1								
1	B2203656	Hoàng Lê Quốc Đạt	20	95	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203707	Nguyễn Hữu Ân	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203723	Võ Công Khanh	16	95	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
42. Lớp: DI22T9A1								
1	B2204940	Nguyễn Đăng Khoa	13	93	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204951	Trần Thị Khánh Ngọc	15	90	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204965	Trương Văn Quy	12	100	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2204974	Võ Thị Bảo Trân	12	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
43. Lớp: DI22V7A1								
1	B2205881	Mai Nhật Khang	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205883	Dương Quốc Kiệt	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2205912	Nguyễn Hùng Thịnh	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.224.000 đồng								
44. Lớp: DI22V7F1								
1	B2205896	Nguyễn Minh Nhựt	15	86	3.8	Giỏi	11.220.000	
2	B2205972	Trần Tổ Anh	15	97	3.7	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.700.000 đồng								
45. Lớp: DI22V7F2								
1	B2206005	Huỳnh Tú Phương	15	100	3.9	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
46. Lớp: DI22Z6A1								
1	B2207550	Trần Hải Nhân	15	100	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2207555	Huỳnh Thanh Phong	12	96	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2207563	Đinh Hữu Thành	13	95	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2207566	Ngô Thị Thu Thảo	12	95	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.811.200 đồng								
47. Lớp: DI2395A1								
1	B2303759	Nguyễn Đức Lộc	12	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303765	Lưu Văn Mực	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303769	Nguyễn Minh Ngọc	12	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2303785	Phan Thị Huỳnh Trâm	14	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
48. Lớp: DI2396A1								
1	B2303795	Trần Quốc An	14	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303813	Trần Thị Thúy Hiền	15	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303819	Nguyễn Trường Hưng	16	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2303832	Trần Văn Nghĩa	14	99	4	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2303849	Châu Ngọc Thịnh	13	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:								
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng								
49. Lớp: DI2396F1								
1	B2305615	Nguyễn Thanh Trọng	13	95	3.85	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:								
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
50. Lớp: DI2396F2								
1	B2303904	Ngô Hưng Thịnh	15	86	3.88	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:								
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng								
51. Lớp: DI23D1A1								
1	B2303951	Trần Thị Tuyết Quỳnh	13	100	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2303959	Trần Anh Thy	15	97	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2303971	Nguyễn Thị Như Ý	14	95	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:								
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.680.000 đồng								
52. Lớp: DI23D1A2								
1	B2303986	Lê Gia Huy	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2303995	Nguyễn Gia Hoàng Kỳ	15	97	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2304023	Lê Thành Tính	15	97	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:								
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
53. Lớp: DI23D2A1								
1	B2304055	Đặng Lê Gia Khánh	14	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304075	Lê Thanh Phát	16	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2306523	Đoàn Trung Dân	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:								
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
54. Lớp: DI23T9A1								
1	B2305571	Trần Gia Hân	12	98	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305602	Hồ Yến Oanh	12	100	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2305618	Trần Minh Tú	14	90	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:								
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
55. Lớp: DI23V7A1								
1	B2306556	Nguyễn Huy Lợi	14	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2306573	Trần Minh Phú	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2306588	Ngô Dương Nhật Thương	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2306598	Nguyễn Minh Tuấn	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2306603	Trần Anh Vũ	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							52.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 52.478.400 đồng								
56. Lớp: DI23V7F1								
1	B2306673	Nguyễn Phước Linh	14	97	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306680	Trần Thị Thúy Quỳnh	12	93	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng								
57. Lớp: DI23Z6A1								
1	B2304069	Trần Quang Minh	12	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308370	Nguyễn Lê Thảo My	14	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2308397	Ung Ngọc Diễm Trinh	14	91	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2308407	Huỳnh Ngọc Phi Yên	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
58. Lớp: DI2495A1								
1	B2404855	Lê Hữu Hào	13	95	3.42	Giỏi	9.050.000	
2	B2404861	Nguyễn Huỳnh Thái Khang	12	100	3.33	Giỏi	9.050.000	
3	B2404880	Nguyễn Tuyết Thơ	13	100	3.33	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
59. Lớp: DI2495A2								
1	B2404909	Võ Thị Cẩm Ly	16	92	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404930	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	16	95	3.72	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
60. Lớp: DI2495F1								
1	B2404942	Đào Thị Mỹ Huyền	16	99	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.456.000 đồng								
61. Lớp: DI2495F2								
1	B2404965	Trần Thị Thanh Thoảng	14	95	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.960.000 đồng								
62. Lớp: DI2496A1								
1	B2404990	Đặng Hữu Khang	16	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405001	Thái Trường Nguyên	15	97	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405009	Phạm Võ Minh Thanh	16	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
63. Lớp: DI2496A2								
1	B2405036	Lê Tuấn Khang	14	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405061	Trần Huỳnh Đức Trung	12	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
64. Lớp: DI2496F1								
1	B2405077	Nguyễn Duy Khang	14	100	3.75	Xuất sắc	13.090.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2405079	Trần Anh Khôi	14	100	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
65. Lớp: DI2496F2								
1	B2405106	Lê Hoàng Anh	16	97	3.8	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2405134	Đặng Lam Sơn	16	97	3.8	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
66. Lớp: DI24D1A1								
1	B2405391	Trần Chí Hạo	15	95	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405403	Võ Thị Ánh Ngân	13	95	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2405422	Võ Nguyễn Thanh Thư	15	95	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.232.000 đồng								
67. Lớp: DI24D1A2								
1	B2405436	Lê Tấn Dũng	16	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405441	Nguyễn Văn Hậu	14	90	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2405474	Phạm Châu Bảo Trân	14	94	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
68. Lớp: DI24D2A1								
1	B2405483	Võ Mai Nhựt Anh	13	95	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405484	Nguyễn Bá Thiên Ân	12	95	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405491	Bùi Văn Duy	15	92	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2405535	Lê Nguyễn Trung Tín	15	100	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
69. Lớp: DI24T9A1								
1	B2407527	Nguyễn Lê Hữu Huân	20	93	3.55	Giỏi	9.050.000	
2	B2407543	Phạm Đoàn Minh Nhựt	14	82	3.62	Giỏi	9.050.000	
3	B2407552	Nguyễn Anh Thư	12	100	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
70. Lớp: DI24T9A2								
1	B2407594	Bạch Thái Nhựt	14	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407604	Võ Trần Duy Thường	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2407610	Phan Văn Tới	13	100	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
71. Lớp: DI24V7A1								
1	B2408805	Đặng Thị Hồng Ngọc	16	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408828	Nguyễn Minh Triền	12	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2408830	Lê Nhã Trúc	16	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
72. Lớp: DI24V7A2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2408850	Lê Quốc Huy	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408874	Lê Thị Thúy Quỳnh	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2408878	Nguyễn Duy Tân	13	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
73. Lớp: DI24V7F1								
1	B2408946	Bí Nhựt Duy	14	95	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408970	Phan Nguyễn Thiên Phúc	12	100	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
74. Lớp: DI24V7F2								
1	B2408992	Ngô Nguyễn Minh Đăng	14	95	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409020	Huỳnh Võ Trí Trung	12	98	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
75. Lớp: DI24Z6A1								
1	B2410656	Trần Vũ Bằng	15	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410676	Nguyễn Minh Khôi	14	92	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2410681	Vô Hoàng Luân	15	97	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
76. Lớp: DI24Z6A2								
1	B2410737	Lê Hoàng Nguyên	14	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410741	Châu Thành Phát	16	91	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2410743	Lê Minh Phúc	15	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
77. Lớp: HG22V7A1								
1	B2205955	Trần Thanh Phúc	12	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205957	Trịnh Minh Tân	13	99	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng								
78. Lớp: HG23V7A1								
1	B2306614	Nguyễn Hoàng Hào	17	95	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2306643	Chung Tình	17	91	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng								
79. Lớp: HG24V7A1								
1	B2408901	Lâm Thị Cẩm Duyên	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408904	Trần Thanh Hà	15	100	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
80. Lớp: FL22V1A1								
1	B2205442	Nguyễn Thanh Hậu	15	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2205453	Lê Huỳnh Bảo Ngân	15	97	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.704.000 đồng								
81. Lớp: FL22V1F1								
1	B2205535	Đỗ Nguyễn Gia Huy	17	95	3.87	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2205541	Trần Phương Ngân	15	95	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng								
82. Lớp: FL22V1F2								
1	B2205566	Võ Lâm Bảo Châu	17	97	3.94	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2205582	Nguyễn Ngọc Thúy Oanh	18	100	3.94	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng								
83. Lớp: FL22V1F3								
1	B2205606	Phan Thị Kiều My	16	100	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2205615	Huỳnh Kiến Ninh	12	97	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng								
84. Lớp: FL22X1A1								
1	B2206830	Nguyễn Hải Đăng	15	93	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2206863	Văn Thanh Tùng	15	93	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.128.000 đồng								
85. Lớp: FL22X1A2								
1	B2206898	Phan Hoàng Minh Thư	18	95	3.94	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2206903	Nguyễn Hữu Trọng	18	95	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.624.800 đồng								
86. Lớp: FL22X2A1								
1	B2206924	Lê Trí Tỏ	14	95	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.541.600 đồng								
87. Lớp: FL22Z8A1								
1	B2205405	Huỳnh Khánh Lâm	13	94	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2205415	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	17	100	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
88. Lớp: FL22Z9A1								
1	B2207617	Nguyễn Huỳnh Ngọc Thu	12	91	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2207622	Phan Thanh Trữ	12	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
89. Lớp: FL23V1A1								
1	B2306056	Vũ Như Đan	14	95	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306090	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	16	95	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2306124	Nguyễn Thị Ngoan	17	95	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2306129	Nguyễn Ngọc Nhi	15	92	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.736.000 đồng								
90. Lớp: FL23V1F1								
1	B2306220	Nguyễn Thái Tuyết Ngân	15	92	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306239	Võ Ngọc Thủy Tiên	16	97	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng								
91. Lớp: FL23V1F2								
1	B2306263	Nguyễn Văn Anh Kiệt	14	97	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306288	Lưu Ngọc Trâm	16	100	3.9	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng								
92. Lớp: FL23V1F3								
1	B2306238	Hoàng Thị Thương	14	95	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306274	Huỳnh Thảo Như	14	92	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng								
93. Lớp: FL23V1L1								
1	C2300119	Nguyễn Trương Minh Trí	15	67	3.9	Khá	6.600.000	
2	S2300033	Huỳnh Nguyễn Trúc Nhi	12	67	3.71	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							13.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.616.000 đồng								
94. Lớp: FL23X1A1								
1	B2307532	Lê Thị Hồng Diễm	18	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307536	Lê Hồng Đức	14	97	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.121.600 đồng								
95. Lớp: FL23X1A2								
1	B2307577	Doãn Lan Hương	14	95	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307593	Thạch Ngọc Thiện	16	93	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.612.000 đồng								
96. Lớp: FL23X2A1								
1	B2307613	Nguyễn Bảo Ngọc	12	95	3.9	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng								
97. Lớp: FL23Z8A1								
1	B2306144	Lê Anh Thư	17	91	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306154	Ngô Tường Vy	16	92	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
98. Lớp: FL23Z9A1								
1	B2308416	Dư Thị Quỳnh Giao	13	97	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2308421	Dương Thiên Kim	12	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.368.000 đồng								
99. Lớp: FL24V1A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2408154	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	15	95	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408155	Trần Yến Ngọc	16	95	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408308	Lê Phúc Gia Bảo	15	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
100. Lớp: FL24V1A2								
1	B2408190	Phạm Ngọc Quỳnh Anh	15	93	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408203	Nguyễn Đăng Khoa	16	92	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408346	Phan Nhật Tân	15	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
101. Lớp: FL24V1A3								
1	B2408250	Nguyễn Hoàng Bi	14	93	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408270	Hồ Xuân Nga	15	91	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408299	Ngô Phương Uyên	15	94	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
102. Lớp: FL24V1F1								
1	B2408431	Hoàng Trần Gia Anh	14	95	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408436	Lê Thị Diễm	14	100	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
103. Lớp: FL24V1F2								
1	B2408489	Trần Phương Minh Hiền	14	100	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408495	Vũ Hải Linh	15	100	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng								
104. Lớp: FL24V1F3								
1	B2408473	Lưu Hoàng Minh Trú	14	100	3.79	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
105. Lớp: FL24X1A1								
1	B2409909	Nguyễn Thanh Thành	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2409916	Phạm Minh Trọng	15	97	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2409918	Trần Thị Cẩm Tú	16	97	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.160.000 đồng								
106. Lớp: FL24X1A2								
1	B2409923	Trang Quốc An	16	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2409946	Nguyễn Ngọc Nhi	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2409962	Nguyễn Minh Minh Thư	19	93	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.656.800 đồng								
107. Lớp: FL24X2A1								
1	B2409986	Nguyễn Trần Uyên Phương	13	95	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng								
108. Lớp: FL24Z8A1								
1	B2408180	Võ Nguyên Tùng	16	97	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408212	Tạ Kim Ngân	14	100	3.96	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408294	Nguyễn Trần Hoàng Thy	13	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
109. Lớp: FL24Z9A1								
1	B2410765	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	12	90	3.36	Giỏi	7.920.000	
2	B2410796	Diệp Phạm Thuỳ Trang	12	85	3.36	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
110. Lớp: FL24Z9A2								
1	B2410823	Châu Khánh Linh	14	97	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2410832	Nguyễn Kim Bình Nguyên	12	95	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
111. Lớp: HG22V1A1								
1	B2205488	Võ Lê Thành Đạt	15	92	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2205505	Lê Đặng Quỳnh Như	15	92	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
112. Lớp: HG23V1A1								
1	B2306175	Võ Vân Nhi	18	95	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306176	Nguyễn Thuận Phát	18	97	3.74	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
113. Lớp: HG24V1A1								
1	B2408404	Phạm Phan Chúc Ni	12	94	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408417	Nguyễn Ka Thy	12	93	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2408422	Hồ Văn Trọng	12	93	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
114. Lớp: HG22U7A1								
1	B2205265	Nguyễn Anh Thư	14	72	2.54	Khá	7.540.000	
2	B2205271	Nguyễn Thị Hồng Trúc	13	76	2.73	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							15.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.080.000 đồng								
115. Lớp: HG22U7A2								
1	B2205322	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	16	72	3.34	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
116. Lớp: HG23U7A1								
1	B2305874	Đinh Thị Mỹ Huyền	16	88	3.93	Giỏi	9.050.000	
2	B2305875	Đoàn Thị Mỹ Hương	16	80	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2305915	Nguyễn Thị Mộng Trúc	16	88	3.67	Giỏi	9.050.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
117. Lớp: HG23U7A2								
1	B2305952	Lê Thị Thu Ngân	14	91	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2305967	Nguyễn Hữu Thoại	17	92	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
118. Lớp: HG24U7A1								
1	B2407938	Trần Xuân Diệu	12	93	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407993	Trần Quang Vinh	12	100	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								
119. Lớp: HG24U7A2								
1	B2408012	Trần Quốc Huy	12	87	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2408021	Võ Thị Tuyết Mai	12	81	3.33	Giỏi	9.050.000	
3	B2408023	Đặng Kim Ngân	12	86	3.67	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
120. Lớp: KH2269A1								
1	B2202552	Tăng Bảo Phúc	16	93	4	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2202553	Lê Ngọc Quang	12	95	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.584.000 đồng								
121. Lớp: KH2269A2								
1	B2202575	Nguyễn Thị Bảo Gấm	17	100	3.65	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2202604	Nguyễn Cẩm Tiên	12	86	3.88	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.496.000 đồng								
122. Lớp: KH2289A1								
1	B2203207	Lê Duyên Ái	17	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203216	Tôn Tuấn Khôi	13	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203233	Phan Ngọc Quý	19	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
123. Lớp: KH2289A2								
1	B2203252	Hà Ngọc Bích	14	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203260	Lê Huỳnh Trung Kiên	17	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.112.000 đồng								
124. Lớp: KH2294A1								
1	B2203381	Đỗ Thị Ngọc Diễm	12	95	3.83	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2203388	Nguyễn Thúy Huyền	12	90	3.42	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.672.000 đồng								
125. Lớp: KH22D3A1								
1	B2203777	Lê Đông Phương	17	97	4	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2203786	Nguyễn Thị Anh Thư	16	97	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203798	Nguyễn Thị Như Ý	14	87	4	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
126. Lớp: KH22D3A2								
1	B2203805	Lê Hồng Diễm	13	97	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203819	An Mỹ Ngân	13	85	3.92	Giỏi	9.050.000	
3	B2203851	Phạm Như Ý	16	94	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
127. Lớp: KH22T3A1								
1	B2204292	Lê Kim Chon	17	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204320	Đặng Thị Hồng Thắm	14	100	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204329	Châu Thái Vinh	14	100	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
128. Lớp: KH22T3A2								
1	B2204339	Đỗ Lý Ngọc Dung	14	100	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204360	Trần Thiện Phước	12	97	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
129. Lớp: KH22U1A1								
1	B2205025	Lê Trần Ngọc Trâm	13	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205032	Nguyễn Trần Yến Vy	15	92	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								
130. Lớp: KH2369A1								
1	B2302781	Phan Trọng Phúc	15	95	3.68	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302796	Châu Thị Như Ý	18	92	3.76	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.408.000 đồng								
131. Lớp: KH2369A2								
1	B2302797	Nguyễn Ngọc Lan Anh	18	94	3.91	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2302814	Đỗ Ngọc Ngân	14	80	3.73	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.496.000 đồng								
132. Lớp: KH2389A1								
1	B2303536	Trần Bảo Ngọc	14	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303537	Nguyễn Phước Nhân	15	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303540	Trần Thanh Phú	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								
133. Lớp: KH2389A2								
1	B2303570	Phan Tuấn Khanh	14	94	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303599	Lê Cát Tường	13	98	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
134. Lớp: KH2394A1								
1	B2303706	Nguyễn Thị Thanh Ngân	17	94	3.91	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2303724	Đặng Ngọc Trai	14	97	4	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng								
135. Lớp: KH23D3A1								
1	B2304103	Lê Quốc Hào	16	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304119	Phan Thị Nhanh	15	93	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
136. Lớp: KH23D3A2								
1	B2302187	Nguyễn Hứa Thiện Tâm	20	98	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304171	Văn Thị Huỳnh Như	15	90	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
137. Lớp: KH23T3A1								
1	B2304962	Nguyễn Thị Hằng Nga	14	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304967	Nguyễn Thành Phúc	13	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304969	Nguyễn Trần Duy Quang	16	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
138. Lớp: KH23T3A2								
1	B2305001	Lê Quốc Huy	12	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305017	Nguyễn Ngọc Thái Thanh	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
139. Lớp: KH23U1A1								
1	B2305620	Đỗ Huỳnh Tuấn Anh	12	97	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305641	Phan Thị Chúc Lo	12	97	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2305663	Ngô Nguyễn Bảo Trân	15	99	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
140. Lớp: KH2469A1								
1	B2403750	Phạm Thái Khang	13	94	3.71	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403768	Danh Bình Nhưỡng	12	100	3.91	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403791	Phạm Ngọc Uyên	12	93	3.82	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.832.000 đồng								
141. Lớp: KH2469A2								
1	B2403820	Phạm Thị Ngọc Mai	13	97	4	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2403842	Trần Quang Thắng	13	97	3.96	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2403848	Nguyễn Minh Triết	13	100	3.92	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
142. Lớp: KH2489A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2404590	Lê Lan Đài	13	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404610	Phan Trần Trí Nguyên	14	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404625	Lê Thị Kim Trang	12	99	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
143. Lớp: KH2489A2								
1	B2404633	Phạm Phước Anh	12	97	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404675	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	12	94	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
144. Lớp: KH2494A1								
1	B2404773	Nguyễn Thị Loan Em	13	98	3.79	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2404795	Đỗ Minh Quân	13	93	3.54	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng								
145. Lớp: KH2494A2								
1	B2404812	Phan Hữu Dư	14	100	3.57	Giỏi	8.160.000	
2	B2404829	Lê Thị Cẩm Ngọc	13	100	3.5	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							16.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.408.000 đồng								
146. Lớp: KH24D3A1								
1	B2405559	Nguyễn Ngọc Hân	14	91	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2405567	Nguyễn Đặng Huỳnh Lâm	15	97	3.43	Giỏi	9.050.000	
3	B2405584	Lê Thanh Thảo	13	100	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
147. Lớp: KH24D3A2								
1	B2405613	Lê Thị Diệu Hiền	12	92	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405629	Nguyễn Thị Tâm Như	13	95	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
148. Lớp: KH24T3A1								
1	B2406767	Mai Đình Huy	13	91	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406777	Nguyễn Thanh Thúy Ngân	13	98	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406783	Nguyễn Thành Nhơn	12	91	3.96	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
149. Lớp: KH24T3A2								
1	B2406827	Trần Hồng Minh	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406841	Lê Ngọc Thiên Thảo	12	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406855	Trần Bảo Yến	13	97	3.96	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
150. Lớp: KH24U1A1								
1	B2407632	Ngô Hoàng Khang	16	93	3.3	Giỏi	9.050.000	
2	B2407636	Nguyễn Thị Ngọc Mai	12	98	3.05	Khá	7.540.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2407666	Ngô Bùi Kiều Ngọc Như Ý	13	100	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
151. Lớp: KH24U1A2								
1	B2407679	Lê Thái Hoà	14	73	3.29	Khá	7.540.000	
2	B2407685	Phạm Xuân May	13	91	3.29	Giỏi	9.050.000	
3	B2407697	Mai Anh Quốc	12	91	3.41	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							25.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
152. Lớp: HG2222A1								
1	B2201114	Nguyễn Thị Quyển	12	97	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201116	Trương Tấn Thái	18	97	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
153. Lớp: HG2223A1								
1	B2201371	Ngô Phúc Lợi	13	82	3.69	Giỏi	9.050.000	
2	B2201402	Nguyễn Thị Như Ý	14	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng								
154. Lớp: HG2322A1								
1	B2301270	Triệu Đức Tiến	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301273	Trần Thị Huỳnh Trân	12	95	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.424.000 đồng								
155. Lớp: HG2323A1								
1	B2301583	Huỳnh Tấn Phát	13	83	3.38	Giỏi	9.050.000	
2	B2301591	Nguyễn Thành Tài	16	84	3.43	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
156. Lớp: HG2323A2								
1	B2301558	Nguyễn Xuân Huy	18	86	3.76	Giỏi	9.050.000	
2	B2301581	Phan Thị Hằng Ni	12	81	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
157. Lớp: HG2422A1								
1	B2401760	Lê Hồng My	15	93	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401795	Nguyễn Thị Vân Y	15	93	3.7	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401799	Lê Thị Như Ý	13	100	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
158. Lớp: HG2423A1								
1	B2402140	Trần Trung Kiên	14	92	3.46	Giỏi	9.050.000	
2	B2402152	Trần Thị Ngọc Mai	13	84	3.54	Giỏi	9.050.000	
3	B2402202	Trần Nguyễn Phúc Thịnh	13	97	3.5	Giỏi	9.050.000	
4	B2402203	Trần Trương Trường Thịnh	13	81	3.38	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
159. Lớp: HG2423A2								
1	B2402108	Nguyễn Tuấn Duy	16	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2402171	Nguyễn Thị Yên Nhi	16	95	3.47	Giỏi	9.050.000	
3	B2402177	Đặng Thị Hoàng Phúc	16	91	3.47	Giỏi	9.050.000	
4	B2402222	Nguyễn Minh Triết	16	83	3.63	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
160. Lớp: KT2220A1								
1	B2200762	Nguyễn Lê Đil	12	90	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2200770	Nguyễn Quốc Huy	14	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2200787	Nguyễn Ngọc Ngân	14	95	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2200795	Châu Thị Huỳnh Như	13	93	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.848.000 đồng								
161. Lớp: KT2221A1								
1	B2200840	Trần Phúc Mỹ Điền	12	99	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2200849	Trần Diễm Huỳnh	15	95	3.8	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2200864	Đỗ Trúc Ngân	15	95	3.8	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2200866	Nguyễn Ngọc Ngân	13	96	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2200873	Phạm Nguyễn Thành Phát	12	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.072.000 đồng								
162. Lớp: KT2221F1								
1	B2200903	Đoàn Nguyễn Thiên Ân	16	100	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2200908	Phạm Minh Hiếu	16	97	3.78	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2200935	Bùi Lê Thanh Triết	18	100	3.83	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							39.270.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.400.000 đồng								
163. Lớp: KT2221F2								
1	B2200969	Tô Huỳnh Minh Phương	14	95	3.64	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2200979	Nguyễn Kim Trọng	16	97	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng								
164. Lớp: KT2222A1								
1	B2201008	Nguyễn Huỳnh Ngân	13	91	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201020	Đỗ Thị Kim Thoa	14	95	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201025	Lê Bảo Tín	12	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								
165. Lớp: KT2222A2								
1	B2201038	Trần Tiểu Băng	14	85	3.61	Giỏi	7.920.000	
2	B2201043	Võ Thị Giàu	15	92	3.7	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201044	Lưu Huỳnh Minh Hiếu	15	82	3.8	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
166. Lớp: KT2222F1								
1	B2201148	Lê Nguyễn Hiếu Nhân	13	90	3.88	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2201155	Lưu Tấn Quang	13	87	3.81	Giỏi	11.220.000	
3	B2201167	Phạm Thị Phương Trinh	13	90	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							37.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.164.000 đồng								
167. Lớp: KT2222F2								
1	B2201176	Nguyễn Thị Phương Dung	13	83	3.81	Giỏi	11.220.000	
2	B2201182	Nguyễn Hoàng Gia Khôi	13	81	3.73	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							22.440.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng								
168. Lớp: KT2223A1								
1	B2201244	Trần Ánh Linh	14	92	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2201272	Lê Thị Minh Thư	14	92	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2201277	Đàm Thị Ngọc Trân	13	98	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2201282	Trần Tú Uyên	12	98	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
169. Lớp: KT2223A2								
1	B2201287	Huỳnh Thị Lan Anh	12	92	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2201305	Ngô Đăng Huy	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2201318	Phạm Quốc Minh	16	92	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2201355	Ngô Thúy Vy	12	90	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
170. Lớp: KT2245A1								
1	B2201928	Phạm Nguyễn Ngọc Hà	12	99	3.58	Giỏi	7.920.000	
2	B2201953	Đặng Quỳnh Ngân	12	93	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201972	Lâm Mỹ Phụng	14	93	3.54	Giỏi	7.920.000	
4	B2201986	Trần Quang Trọng	13	98	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2201995	Lê Ngọc Vy	14	81	3.93	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.768.000 đồng								
171. Lớp: KT2290A1								
1	B2203308	Nguyễn Minh Ngọc	14	84	3.75	Giỏi	7.920.000	
2	B2203326	Lê Thị Ngọc Trinh	12	81	3.67	Giỏi	7.920.000	
3	B2203333	Ngô Tường Vy	13	82	3.77	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
172. Lớp: KT2290A2								
1	B2203336	Nguyễn Thảo An	14	90	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2203353	Trần Thị Ái Nhi	12	90	3.63	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
173. Lớp: KT22V5A1								
1	B2205665	Võ Thụy Thảo Nguyên	13	80	3.58	Giỏi	7.920.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2205669	Phạm Thị Yến Nhi	14	100	3.61	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2205673	Nguyễn Thị Trúc Phương	13	90	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2205675	Nguyễn Minh Quang	17	93	3.56	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							34.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.432.000 đồng								
174. Lớp: KT22W1A1								
1	B2206138	Huỳnh Trần Kim Duyên	12	94	3.5	Giỏi	7.920.000	
2	B2206160	Dương Ngọc Lan Thanh	13	88	3.38	Giỏi	7.920.000	
3	B2206163	Dương Ngọc Anh Thư	12	80	3.58	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
175. Lớp: KT22W1A2								
1	B2206178	Nguyễn Thị Hồng Châu	12	95	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206211	Huỳnh Thị Huyền Trân	12	98	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
176. Lớp: KT22W2F1								
1	B2203578	Lê Cao Anh Tài	14	67	3.29	Khá	9.350.000	
2	B2206292	Huỳnh Dương Bảo Anh	13	65	3.08	Khá	9.350.000	
3	B2206328	Nguyễn Võ Thiên Thanh	17	73	2.97	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							28.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.896.000 đồng								
177. Lớp: KT22W3A1								
1	B2206368	Lê Khánh Linh	13	90	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206380	Trần Hồ Hoàn Phúc	12	98	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
178. Lớp: KT22W3A2								
1	B2206418	Huỳnh Ngọc Nhi	12	91	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206426	Trương Thanh Thanh	14	90	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
179. Lớp: KT22W4A1								
1	B2206456	Nguyễn Thị Thanh Liêm	13	89	3.88	Giỏi	7.920.000	
2	B2206464	Diệp Thị Cẩm Nhung	13	79	3.62	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							14.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
180. Lớp: KT22W4A2								
1	B2206506	Phan Thị Kim Quyên	13	95	3.96	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206517	Sầm Phong Yến	13	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
181. Lớp: KT22W4F1								
1	B2206551	Lê Hồng Tiến	16	90	3.94	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2206553	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	16	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng								
182. Lớp: KT22W4F2								
1	B2206568	Nguyễn Thị Hương Giang	16	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2206579	Trương Nguyễn Trà My	16	96	3.94	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
183. Lớp: KT2320A1								
1	B2300928	Huỳnh Ngọc Hân	12	97	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2300951	Nguyễn Lê Yến Nhi	15	94	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2300985	Nguyễn Thị Hải Yến	14	97	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2307096	Phạm Kim Hoàng Oanh	13	96	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.184.000 đồng								
184. Lớp: KT2321A1								
1	B2300991	Phạm Nguyễn Lan Anh	14	90	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2300996	Trần Nguyễn Khánh Duy	13	96	3.96	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301000	Võ Diễm Ngân Đan	17	97	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2301003	Lưu Ngọc Hân	14	94	4	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2302172	Lâm Nguyễn Trúc Nguyên	13	96	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.880.000 đồng								
185. Lớp: KT2321F1								
1	B2301079	Trần Minh Nhật	16	98	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301085	Đặng Kim Sang	16	97	3.91	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng								
186. Lớp: KT2321F2								
1	B2301104	Ngô Thanh Hương	16	96	3.63	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301120	Trần Thị Kim Phụng	16	82	3.91	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng								
187. Lớp: KT2322A1								
1	B2301131	Nguyễn Thành An	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301169	Nguyễn Hữu Tạo	13	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301182	Bùi Thị Kim Tuyền	13	98	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								
188. Lớp: KT2322A2								
1	B2301191	Dương Thị Ngọc Chi	15	94	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301207	Nguyễn Thị Kim Luyến	16	92	3.8	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301227	Hồ Thị Kim Thoa	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								
189. Lớp: KT2322F1								
1	B2301300	Lê Võ Tùng Linh	14	100	3.71	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301305	Huỳnh Thị Kim Ngân	14	90	3.75	Xuất sắc	13.090.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng								
190. Lớp: KT2322F2								
1	B2301362	Lưu Thị Thu Phiếu	15	98	3.71	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2301375	Lê Ngọc Thanh Tuyền	15	98	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.668.000 đồng								
191. Lớp: KT2322L1								
1	C2300054	Huỳnh Thành Đạt	13	82	3.63	Giỏi	7.920.000	
2	C2300055	Nguyễn Thị Cẩm Dương	17	82	3.29	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.144.000 đồng								
192. Lớp: KT2323A1								
1	B2301390	Phạm Hữu Dư	20	98	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2301394	Võ Thị Trúc Giang	15	93	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2301432	Nguyễn Kim Thảo	14	92	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2301447	Trần Thanh Trúc	15	92	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
193. Lớp: KT2323A2								
1	B2301454	Nguyễn Kiều Trâm Anh	15	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2301493	Đặng Tuyết Nhi	15	90	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2301508	Đặng Nguyễn Kim Thoa	14	95	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2301525	Đỗ Hồng Yên	14	81	3.77	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
194. Lớp: KT2345A1								
1	B2302154	Nguyễn Thị Ngọc Hân	16	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2302161	Phạm Thị Cẩm Hương	14	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2302180	Lữ Minh Quang	13	94	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2302206	Nguyễn Thị Kim Vàng	14	100	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.848.000 đồng								
195. Lớp: KT2390A1								
1	B2303626	Huỳnh Võ Trúc Phương	16	85	3.37	Giỏi	7.920.000	
2	B2303639	Trần Ngọc Tú	14	88	3.42	Giỏi	7.920.000	
3	B2303643	Nguyễn Ngọc Phụng Vy	12	85	3.55	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
196. Lớp: KT2390A2								
1	B2303665	Đỗ Thị Ý Nhi	15	92	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2303666	Phạm Yến Nhi	15	83	3.68	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng								
197. Lớp: KT23V5A1								
1	B2306301	Trần Thị Thùy Dương	16	97	4	Xuất sắc	9.240.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2306314	Trần Khánh Linh	12	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2306322	Trần Nguyễn Thanh Ngân	14	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2306353	Nguyễn Thảo Trinh	12	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.264.000 đồng								
198. Lớp: KT23W1A1								
1	B2306826	Nguyễn Thị Kiều Nga	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306840	Cam Nguyễn Tú Trân	14	96	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
199. Lớp: KT23W1A2								
1	B2306859	Tổng Ngọc Hân	13	98	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306872	Nguyễn Trần Phúc Nguyên	14	100	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
200. Lớp: KT23W2A1								
1	B2306899	Võ Thị Trúc Hà	13	93	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306900	Trương Kim Hoa	13	95	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
3	C2300147	Trần Thanh Phúc	14	93	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
201. Lớp: KT23W2A2								
1	B2306936	Bùi Nguyễn Ngọc Anh	12	93	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306963	Nguyễn Hoàng Phúc	17	92	3.94	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
202. Lớp: KT23W2F1								
1	B2306983	Trần Mộng Chúc	14	95	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306993	Nguyễn Thị Như Huỳnh	14	98	3.89	Xuất sắc	13.090.000	
3	B2307005	Phan Thị Mỹ Như	14	98	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							39.270.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.912.000 đồng								
203. Lớp: KT23W3A1								
1	B2307045	Chiêm Bảo Ngân	15	95	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307072	Lê Thị Thúy Vy	15	90	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
204. Lớp: KT23W3A2								
1	B2307081	Nguyễn Thị Bích Duyên	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307115	Nguyễn Thị Thảo Vân	15	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
205. Lớp: KT23W4A1								
1	B2307133	Đặng Quốc Khánh	14	93	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307137	Lê Thị Mẫn	15	98	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2307138	Lê Triệu Minh	15	90	3.89	Xuất sắc	9.240.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								
206. Lớp: KT23W4A2								
1	B2307178	Trần Văn Khuôn	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307180	Vô Tấn Lộc	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
207. Lớp: KT23W4F1								
1	B2307224	Nguyễn Ngọc Ngân	18	100	3.72	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2307232	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	18	93	3.78	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng								
208. Lớp: KT23W4F2								
1	B2307263	Nguyễn Minh Long	19	95	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2307265	Nguyễn Lê Ngọc Ngân	19	91	3.72	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
209. Lớp: KT2420A1								
1	B2401244	Lý Thị Như Huỳnh	13	93	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401259	Nguyễn Phan Bảo Nghi	13	97	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401298	Lê Trần Bảo Tuyền	14	98	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.872.000 đồng								
210. Lớp: KT2420A2								
1	B2401309	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	16	100	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401317	Lê Thị Ái Duyên	14	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401328	Lê Kim Hương	14	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
211. Lớp: KT2420A3								
1	B2401283	Nguyễn Phú Thịnh	12	90	3.96	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401284	Nguyễn Thị Diễm Thúy	14	93	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401361	Bùi Ngọc Lan Thanh	14	98	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
212. Lớp: KT2421A1								
1	B2401410	Nguyễn Thiên Hương	14	95	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401427	Hoàng Kim Oanh	15	94	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401444	Dương Thị Yến Vy	13	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
213. Lớp: KT2421A2								
1	B2401478	Lê Phong Nhã	14	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401495	Vũ Thị Thùy Trang	13	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401496	Phan Đặng Thùy Trâm	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
214. Lớp: KT2421F1								
1	B2401526	Võ Thanh Nhật Nam	15	80	3.75	Giỏi	11.220.000	
2	B2401543	Nguyễn Quế Trân	15	100	3.64	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
215. Lớp: KT2422A1								
1	B2401585	Nguyễn Trọng Nhuận	13	85	3.81	Giỏi	7.920.000	
2	B2401592	Nguyễn Thúy Quỳnh	12	88	3.83	Giỏi	7.920.000	
3	B2401598	Trần Thị Anh Thư	12	92	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.456.000 đồng								
216. Lớp: KT2422A2								
1	B2401610	Đào Thị Ngọc Ánh	14	90	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401622	Phạm Thị Ngọc Hân	15	90	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401640	Võ Phan Bảo Ngọc	14	100	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
217. Lớp: KT2422A3								
1	B2401680	Nguyễn Ngọc Hân	12	90	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2401684	Huỳnh Thị Nhựt Huyền	14	96	3.89	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2401711	Nguyễn Thị Thanh Thảo	13	94	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
218. Lớp: KT2422F1								
1	B2401814	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	13	100	3.85	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2401833	Phạm Gia Thịnh	13	97	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.164.000 đồng								
219. Lớp: KT2422F2								
1	B2401853	Mai Diễm Huỳnh	13	95	3.65	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2401875	Mạch Nhật Thịnh	13	93	3.65	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.920.000 đồng								
220. Lớp: KT2423A1								
1	B2401904	Huỳnh Thị Ngọc Hân	14	86	3.64	Giỏi	9.050.000	
2	B2401914	Lê Hoàng Kha	13	95	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2401920	Nguyễn Thành Lộc	14	92	3.5	Giỏi	9.050.000	
4	B2401950	Nguyễn Lê Ái Tâm	13	95	3.42	Giỏi	9.050.000	
5	B2401971	Trương Đình Trí	13	98	3.58	Giỏi	9.050.000	
6	B2401977	Trần Như Uyên	13	90	3.42	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							54.300.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 57.304.000 đồng								
221. Lớp: KT2423A2								
1	B2401993	Võ Thị Vân Anh	13	92	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2402003	Hà Đặng Minh Đăng	12	90	3.29	Giỏi	9.050.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2402021	Võ Thị Linh	13	82	3.25	Giỏi	9.050.000	
4	B2402049	Nguyễn Thụy Phương Quyên	13	92	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2402082	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	19	84	3.53	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							48.270.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 50.668.800 đồng								
222. Lớp: KT2445A1								
1	B2402766	Lê Huỳnh Như Anh	14	97	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402819	Đỗ Thị Ngọc Trúc	14	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402822	Huỳnh Diệp Văn	14	96	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
223. Lớp: KT2445A2								
1	B2402831	Đinh Thị Quỳnh Châu	12	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402838	Nguyễn Phan Gia Hân	14	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402861	Phạm Thế Quang	12	97	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.568.000 đồng								
224. Lớp: KT2490A1								
1	B2404684	Trần Khánh Duy	14	97	3.57	Giỏi	7.920.000	
2	B2404710	Bùi Yến Sang	14	96	3.43	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
225. Lớp: KT2490A2								
1	B2404727	Nguyễn Ngọc Ánh	12	95	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2404769	Trần Ngọc Kiều Vy	12	98	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
226. Lớp: KT24V5A1								
1	B2408541	Huỳnh Thị Kim Lanh	15	96	3.6	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408561	Huỳnh Ngọc Hoài Trân	13	93	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
227. Lớp: KT24V5A2								
1	B2408567	Trần Văn Lâm Anh	14	95	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2408590	Trần Hồng Nhung	13	100	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
228. Lớp: KT24W1A1								
1	B2409200	Lê Thị Cẩm Bình	14	90	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409205	Phan Tấn Đạt	16	100	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409243	Cao Quốc Trọng	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.232.000 đồng								
229. Lớp: KT24W1A2								
1	B2409255	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	14	90	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409287	Phạm Nguyễn Anh Thư	12	92	3.88	Xuất sắc	9.240.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
230. Lớp: KT24W2A1								
1	B2409303	Triệu Gia Đạt	12	88	3.83	Giỏi	7.920.000	
2	B2409317	Trịnh Kim Nga	13	96	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409331	Nguyễn Thanh Thảo	14	90	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
231. Lớp: KT24W2A2								
1	B2409363	Huỳnh Giao	13	100	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409377	Nguyễn Thị Kim Ngân	13	93	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409397	Quách Thị Kim Trang	12	90	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.400.000 đồng								
232. Lớp: KT24W2F1								
1	B2409418	Nguyễn Ngọc Diễm	13	80	3.62	Giỏi	11.220.000	
2	B2409430	Mai Viết Lâm	13	80	3.62	Giỏi	11.220.000	
3	B2409435	Nguyễn Thu Ngân	13	85	3.69	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							33.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
233. Lớp: KT24W3A1								
1	B2409463	Nguyễn Thị Lan Anh	12	96	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409479	Trần Thị Thảo Mi	13	98	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409481	Trần Thị Thảo My	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
234. Lớp: KT24W3A2								
1	B2409538	Phùng Thị Tuyết Ngân	12	96	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409551	Nguyễn Hoàng Thái	13	90	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409558	Lê Thị Bảo Trang	13	98	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
235. Lớp: KT24W4A1								
1	B2409577	Nguyễn Trần Gia Bảo	13	97	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409586	Nguyễn Ngọc Huỳnh Giao	13	94	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409597	Trần Đăng Khoa	13	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.760.000 đồng								
236. Lớp: KT24W4A2								
1	B2409654	Đoàn Mỹ Đình	13	94	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409656	Phạm Thị Ngọc Gấm	15	90	3.68	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409662	Quách Hưng Huy	13	88	3.81	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
237. Lớp: KT24W4A3								
1	B2409591	Nguyễn Ngọc Hân	13	84	3.92	Giỏi	7.920.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2409619	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	13	84	3.88	Giỏi	7.920.000	
3	B2409671	Lê Vũ Luân	13	98	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
238. Lớp: KT24W4F1								
1	B2409739	Lê Đoàn Yên Nhi	12	93	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409751	Phạm Bảo Trân	12	100	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng								
239. Lớp: KT24W4F2								
1	B2409778	Lư Kim Ngân	14	90	3.73	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409789	Trần Hoàng Thái	14	95	3.85	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.196.000 đồng								
240. Lớp: KT24W4F3								
1	B2409719	Huỳnh Lê Thanh Duy	13	97	3.77	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2409788	Nguyễn Thị Ngọc Quý	13	97	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
241. Lớp: HG2263A1								
1	B2201782	Huỳnh Văn Đoàn	15	100	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201804	Võ Chí Phong	13	81	3.5	Giỏi	7.920.000	
3	B2201818	Danh Khanh Trung	16	100	3.56	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
242. Lớp: HG2363A1								
1	B2301987	Huỳnh Duy Nguyễn	17	100	3.76	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2302020	Cao Anh Thư	13	91	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
243. Lớp: HG2363A2								
1	B2301977	Võ Ngọc Xuân Mai	14	81	3.58	Giỏi	7.920.000	
2	B2301978	Nguyễn Thị Diễm My	17	88	3.71	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng								
244. Lớp: HG2463A1								
1	B2403073	Nguyễn Chí Linh	14	91	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2403079	Lưu Thị Như Nga	14	97	3.57	Giỏi	7.920.000	
3	B2403091	Huỳnh Thị Diễm Sương	14	92	3.57	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							25.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
245. Lớp: HG2463A2								
1	B2403108	Nguyễn Thị Hồng Cúc	13	98	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2403114	Nguyễn Ngọc Hân	13	97	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
246. Lớp: LK2263A1								
1	B2201647	Đỗ Kim Huỳnh	15	100	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201694	Ong Trọng Tứ	13	85	4	Giỏi	7.920.000	
3	B2201707	Nguyễn Tường Duy	15	92	3.7	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
247. Lớp: LK2264A1								
1	B2201565	Tạ Nhật Duy	13	94	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201584	Trần Gia Luật	15	94	3.9	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201668	Châu Tâm Như	15	93	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2201686	Trần Gia Nhật Tiền	15	92	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2201689	Huỳnh Diễm Trinh	12	90	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.880.000 đồng								
248. Lớp: LK2265A1								
1	B2201561	Huỳnh Ngọc Thái Bình	12	97	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201627	Huỳnh Ngọc Yên	13	98	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201747	Nguyễn Trọng Tài	17	91	3.72	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.984.000 đồng								
249. Lớp: LK2363A1								
1	B2301799	Mai Thị Kim Ngân	15	92	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301927	Lê Quốc Thanh	14	100	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
250. Lớp: LK2363A2								
1	B2301836	Nguyễn Thành Chí	16	91	3.72	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301928	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	16	89	3.67	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng								
251. Lớp: LK2365A1								
1	B2301785	Dương Gia Hân	17	97	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301790	Dư Thị Mỹ Hương	17	90	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301825	Trần Tuấn Vĩ	14	99	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
252. Lớp: LK2365A2								
1	B2301881	Trần Minh Vàng	15	88	3.68	Giỏi	7.920.000	
2	B2301915	Trần Hoàng Nghiệp	16	98	3.6	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301916	Lê Khánh Ngọc	17	94	3.94	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
253. Lớp: LK23S9A1								
1	B2304813	Nguyễn Ngọc Hân	19	99	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2304835	Huỳnh Như Ngọc	14	90	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
254. Lớp: LK23S9A2								
1	B2304799	Bùi Quốc Cường	13	99	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2304824	Nguyễn Trần Kiên Khoa	15	91	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.176.000 đồng								
255. Lớp: LK2463A1								
1	B2402539	Lữ Thị Kim Chi	15	97	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402542	Nguyễn Hà Khánh Dư	13	95	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402616	Trần Thị Bảo Châu	15	80	3.6	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
256. Lớp: LK2463A2								
1	B2402487	Đoàn Khả My	14	98	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402495	Nguyễn Văn Nhi	12	98	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402662	Nguyễn Thị Thanh Thảo	14	95	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
257. Lớp: LK2465A1								
1	B2402430	Phạm Thị Hoài Thu	12	97	3.91	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402536	Nguyễn Hồng Ánh	13	92	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402577	Cao Văn Tấn Phát	13	97	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2402595	Huỳnh Thị Mỹ Trinh	14	93	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2402601	Cao Hoàng Văn	14	97	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 42.240.000 đồng								
258. Lớp: LK2465A2								
1	B2402633	Dương Tuấn Khang	14	100	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402647	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	16	98	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402649	Trần Thị Thanh Nhã	15	98	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2402652	Huỳnh Như	14	91	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
5	B2402676	Nguyễn Thị Bích Tuyền	14	93	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							46.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.296.000 đồng								
259. Lớp: LK24S9A1								
1	B2406537	Nguyễn Thị Trúc Liên	16	92	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2406538	Nguyễn Văn Linh	16	99	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2406559	Đào Thị Minh Tâm	16	94	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2406565	Trần Thị Minh Thư	14	92	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng								
260. Lớp: LK24S9A2								
1	B2406601	Hồ Thị Thu Hương	16	93	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2406604	Bùi Hà Gia Kim	16	94	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2406633	Nguyễn Thị Minh Thư	16	100	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2406648	Trần Nguyễn Khánh Vy	15	100	3.87	Xuất sắc	9.240.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.736.000 đồng								
261. Lớp: MT2225A1								
1	B2201423	Nguyễn Thị Như Huỳnh	14	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201437	Trang Diễm My	12	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201454	Nguyễn Thị Trúc Phương	14	99	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2201468	Lý Mạnh Toàn	14	91	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.376.000 đồng								
262. Lớp: MT2225A2								
1	B2201485	Huỳnh Bảo Châu	15	96	3.87	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2201511	Trương Thị Thùy Linh	12	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2201512	Đặng Dương Luân	12	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2201543	Nguyễn Cẩm Tiên	12	94	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.904.000 đồng								
263. Lớp: MT2238A1								
1	B2201862	Trần Thị Mỹ Trân	14	91	3.86	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2201863	Trần Thị Ánh Tuyết	17	90	3.85	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							19.040.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.760.000 đồng								
264. Lớp: MT2238A2								
1	B2201870	Trần Thị Lan Châu	12	91	3.75	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2201898	Trần Hữu Tài	14	83	3.64	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.040.000 đồng								
265. Lớp: MT2257A1								
1	B2202157	Quách Hữu Đăng	14	81	3.79	Giỏi	9.050.000	
2	B2202166	Phạm Thị Tuyết Hương	13	81	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2202198	Nguyễn Việt Thắng	14	81	3.57	Giỏi	9.050.000	
4	B2202202	Trần Nguyễn Phương Thủy	15	95	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng								
266. Lớp: MT22D4A1								
1	B2203852	Châu Hà Anh	12	90	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203871	Lê Thị Kim Mai	12	90	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.080.000 đồng								
267. Lớp: MT22X7A1								
1	B2207115	Diệp Hiếu Huy	13	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2207116	Nguyễn Nhật Huy	13	94	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
268. Lớp: MT22X7A2								
1	B2207155	Bùi Thị Bảo Anh	13	94	3.85	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2207199	Hồ Thị Ngọc Trinh	17	96	3.74	Xuất sắc	9.240.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
269. Lớp: MT2325A1								
1	B2301631	Lê Trọng Hiếu	14	95	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301668	Trịnh Nguyễn Tiến Phát	15	91	3.8	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301680	Huỳnh Thị Cẩm Thy	16	96	3.8	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2301685	Nguyễn Thị Hồng Trúc	16	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng								
270. Lớp: MT2325A2								
1	B2301699	Nguyễn Thành Danh	15	93	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2301705	Nguyễn Thành Đạt	16	98	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2301734	Trần Thị Ngân	14	93	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2301762	Nguyễn Phước Truyền	14	100	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.792.000 đồng								
271. Lớp: MT2338A1								
1	B2302045	Phạm Thiên Ái	15	86	3.57	Giỏi	8.160.000	
2	B2302057	Nguyễn Văn Khánh	19	81	3.67	Giỏi	8.160.000	
3	B2302072	Nguyễn Ngọc Xuân Phương	19	91	3.61	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							25.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.848.000 đồng								
272. Lớp: MT2338A2								
1	B2302115	Võ Kim Ngọc	17	89	3.63	Giỏi	8.160.000	
2	B2302123	Trương Thị Tú Sương	20	88	3.61	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							16.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
273. Lớp: MT2357A1								
1	B2302407	Nguyễn Phước Sang	13	91	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302427	Nguyễn Ngọc Đoan Trinh	14	97	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	C2300091	Lê Thị Ngọc Trân	13	91	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng								
274. Lớp: MT23D4A1								
1	B2304208	Tôn Gia Đạt	12	92	3.09	Khá	7.540.000	
2	B2304217	Lê Hoàng Huy	12	94	3.32	Giỏi	9.050.000	
3	B2304249	Lâm Trọng Tiến	12	82	3.32	Giỏi	9.050.000	
4	B2304259	Trần Thị Ngọc Ý	13	89	3.04	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							33.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
275. Lớp: MT23S8A1								
1	B2304731	Châu Thị Tú Anh	13	95	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304768	Nguyễn Tố Như	12	93	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304780	Đoàn Trương Bảo Thuận	12	90	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
276. Lớp: MT23X7A1								
1	B2307818	Lê Dương Thúy Hân	16	97	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307825	Phạm Đình Khải	15	91	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2307838	Nguyễn Dĩ Nghiệp	15	91	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.344.000 đồng								
277. Lớp: MT23X7A2								
1	B2307902	Dương Thị Ngọc Mai	17	90	3.63	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307923	Lê Thị Thu Thảo	16	95	3.88	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2307932	Nguyễn Huỳnh Trân	15	91	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.040.000 đồng								
278. Lớp: MT2425A1								
1	B2402257	Huỳnh Nhật Hào	15	95	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402260	Lâm Thị Kim Huệ	15	90	3.7	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402277	Ngô Thanh Ngân	13	91	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.208.000 đồng								
279. Lớp: MT2425A2								
1	B2402311	Võ Đức Anh	14	93	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2402332	Nguyễn Nguyễn Anh Khôi	17	95	3.74	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2402361	Ong Quốc Tân	16	93	3.7	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
280. Lớp: MT2438A1								
1	B2402693	Nguyễn Ngọc Minh Châu	14	93	3.86	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2402722	Cao Phạm Thanh Trúc	14	80	3.64	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							17.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.320.000 đồng								
281. Lớp: MT2438A2								
1	B2402726	Đoàn Minh Anh	14	89	3.57	Giỏi	8.160.000	
2	B2402747	Nguyễn Tuyết Ngân	14	87	3.57	Giỏi	8.160.000	
Cộng lớp:							16.320.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.776.000 đồng								
282. Lớp: MT2457A1								
1	B2403016	Nguyễn Ngọc Lễ	14	76	3.14	Khá	7.540.000	
2	B2403024	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	14	90	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403046	Trương Mỹ Trân	14	87	3.86	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
283. Lớp: MT24D4A1								
1	B2405681	Phan Lưu Tuyết Nhi	14	90	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405697	Nguyễn Gia Uy	12	91	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
284. Lớp: MT24S8A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2406428	Thái Nhật Anh	14	82	3.71	Giỏi	9.050.000	
2	B2406430	Lương Ngọc Ánh	14	81	3.86	Giỏi	9.050.000	
3	B2406431	Lương Nhật Ánh	14	83	3.79	Giỏi	9.050.000	
4	B2406434	Hà Lê Thu Diễm	14	93	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2406475	Lý Phương Nhi	14	94	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							48.270.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.652.800 đồng								
285. Lớp: MT24X7A1								
1	B2410184	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	12	91	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2410200	Nguyễn Thị Mỹ Huỳnh	12	96	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2410202	Châu Đình Khang	12	92	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.152.000 đồng								
286. Lớp: MT24X7A2								
1	B2410270	Phan Thị Mỹ Huyền	13	95	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2410290	Phạm Tuyết Nhi	12	93	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2410323	Nguyễn Thị Như Ý	14	90	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
287. Lớp: NN2219A1								
1	B2200712	Trần Ngọc Yến Phương	12	88	4	Giỏi	9.050.000	
2	B2200721	Dư Thị Thanh Tuyền	12	82	4	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng								
288. Lớp: NN2219A2								
1	B2200729	Phạm Trần Ngọc Giàu	12	98	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200745	Võ Hoàng Nam Phương	12	86	3.75	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.889.600 đồng								
289. Lớp: NN2267A1								
1	B2202382	Nguyễn Bảo Chăm	15	93	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202436	Nguyễn Huỳnh Thùy Tiên	15	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2202441	Nguyễn Thị Diễm Trang	15	100	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2202450	Dương Đại Vĩ	14	92	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.430.400 đồng								
290. Lớp: NN2267A2								
1	B2202458	Nguyễn Lê Thái Chân	15	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202459	Nguyễn Mai Kim Chi	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2202484	Bùi Trần Ngọc Mỹ	13	91	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2202492	Trương Thị Cẩm Nhung	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng								
291. Lớp: NN2273A1								
1	B2202749	Nguyễn Thị Minh Thu	15	80	3.8	Giỏi	9.050.000	
2	B2202755	Trương Thị Ngọc Tú	15	100	3.73	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2202758	Phạm Thị Bảo Xuyên	15	100	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
292. Lớp: NN2273A2								
1	B2202761	Lê Thị Huyền Chân	13	92	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202784	Nguyễn Ngọc Nhi	15	92	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
293. Lớp: NN22S1A1								
1	B2203982	Dương Ngọc Hân	15	100	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204011	Phạm Quốc Trung	15	93	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.318.400 đồng								
294. Lớp: NN22S1A2								
1	B2204026	Huỳnh Thị Tú Huyền	12	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204049	Ngô Anh Thư	15	97	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng								
295. Lớp: NN22S4A1								
1	B2202616	Lê Phúc Bảo	16	82	3.41	Giỏi	9.050.000	
2	B2202636	Huỳnh Xuân Mai	14	94	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.302.400 đồng								
296. Lớp: NN22S4A2								
1	B2202666	Nguyễn Lê Duy	14	86	3.61	Giỏi	9.050.000	
2	B2202686	Dương Huỳnh Mẫn Nghi	12	100	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.492.800 đồng								
297. Lớp: NN22S6A1								
1	B2207245	Phạm Thị Bích Trân	17	100	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2207280	Nguyễn Thị Quỳnh Như	17	100	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.096.000 đồng								
298. Lớp: NN22V8A1								
1	B2206082	Dương Đình Trí	20	100	4	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							9.520.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.024.000 đồng								
299. Lớp: NN22X8A1								
1	B2207214	Biện Thị Huỳnh Giao	13	84	4	Giỏi	9.050.000	
2	B2207241	Đoàn Đặng Minh Thư	13	86	3.85	Giỏi	9.050.000	
3	B2207258	Nguyễn Khánh Duy	13	81	3.85	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
300. Lớp: NN2319A1								
1	B2300806	Nguyễn Phước Điền	15	92	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300815	Nguyễn Hữu Khang	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
301. Lớp: NN2319A2								
1	B2300876	Lê Anh Khôi	14	96	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300904	Lý Ngọc Trâm	13	94	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.334.400 đồng								
302. Lớp: NN2367A1								
1	B2302636	Nguyễn Thị Hồng Chi	12	90	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302641	Phạm Thành Đạt	12	100	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302642	Trương Thị Ngọc Đình	12	100	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2302693	Xa Ngọc Như Ý	12	98	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
303. Lớp: NN2367A2								
1	B2302698	Võ Hoàng Bảo	12	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302704	Nguyễn Trí Đạt	12	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302730	Nguyễn Chí Thanh	12	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
304. Lớp: NN2373A1								
1	B2302921	Lưu Phú Hưng	15	83	3.77	Giỏi	9.050.000	
2	B2302930	Trần Thành Lý	14	100	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302934	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	16	96	3.53	Giỏi	9.050.000	
4	B2302936	Trần Thanh Nhã	15	91	3.6	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
305. Lớp: NN2373A2								
1	B2302998	Phạm Minh Mẫn	16	93	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303011	Nguyễn Trọng Phúc	16	94	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303013	Trần Bùi Thành Phước	17	98	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
306. Lớp: NN2373A3								
1	B2303050	Lê Văn Hào	14	92	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303095	Nguyễn Trung Tính	13	93	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303103	Trịnh Trương Vỹ	14	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng								
307. Lớp: NN23S1A1								
1	B2304377	Đoàn Gia Hân	14	82	3.57	Giỏi	9.050.000	
2	B2304398	Trần Mỹ Ngọc	12	98	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304426	Nguyễn Công Trứ	18	97	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
308. Lớp: NN23S1A2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2304447	Mai Công Hậu	15	90	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304476	Chau Sóc Phiếp	15	100	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304490	Nguyễn Thị Minh Thu	12	90	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
309. Lớp: NN23S4A1								
1	B2302852	Lê Anh Khoa	16	90	3.44	Giỏi	9.050.000	
2	B2302858	Nguyễn Minh Mẫn	14	89	3.54	Giỏi	9.050.000	
3	B2302873	Nguyễn Thị Huỳnh Như	14	87	3.38	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
310. Lớp: NN23S6A1								
1	B2307966	Lê Đức Hưng	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308072	Phạm Trường Thịnh	13	94	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
311. Lớp: NN23V8A1								
1	B2306730	Lương Ngọc Quyên	14	97	3.75	Xuất sắc	9.520.000	
2	B2306739	Nguyễn Lê Minh Thu	15	100	3.77	Xuất sắc	9.520.000	
3	B2306743	Huỳnh Bảo Trang	14	95	3.77	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							28.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.936.000 đồng								
312. Lớp: NN23X8A1								
1	B2307976	Trần Nguyễn Ngân Ngân	13	92	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2307997	Trần Thị Ngọc Thiện	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2308010	Huỳnh Nhã Vy	16	100	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2308015	Lê Thị Kim Yến	16	94	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 46.446.400 đồng								
313. Lớp: NN23X9A1								
1	B2308110	Trương Thị Kiều Oanh	14	100	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.270.400 đồng								
314. Lớp: NN23X9A2								
1	B2308147	Trần Thanh Thảo	16	92	3.44	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.064.000 đồng								
315. Lớp: NN2419A1								
1	B2401087	Nguyễn Thanh Hoàng	12	86	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2401123	Nguyễn Hữu Thịnh	14	82	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2401131	Trần Yên Trang	14	86	3.5	Giỏi	9.050.000	
4	B2401136	Nguyễn Tiến Trung	14	82	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
316. Lớp: NN2419A2								
1	B2401152	Quách Trần Khánh Băng	14	82	3.5	Giỏi	9.050.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2401183	Bùi Vũ Tiểu My	14	88	3.65	Giỏi	9.050.000	
3	B2401190	Trần Trường Phi	14	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2401201	Nguyễn Lê Minh Thuận	14	86	3.65	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
317. Lớp: NN2467A1								
1	B2403556	Phạm Vĩnh Phúc	13	94	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2403564	Dương Phước Thọ	12	90	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403577	Lê Phương Uyên	14	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2403578	Vũ Tường Vi	13	92	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
318. Lớp: NN2467A2								
1	B2403587	Nguyễn Trọng Bằng	12	100	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2403589	Phạm Thị Kim Chi	14	91	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403601	Nguyễn Thị Xuân Hiền	12	100	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2403652	Nguyễn Thanh Trúc	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng								
319. Lớp: NN2467A3								
1	B2403659	Dương Ngô Quỳnh Anh	13	97	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2403690	Nguyễn Thị Phương Mai	16	90	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403692	Trung Giám Minh	14	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
320. Lớp: NN2473A1								
1	B2403897	Hoàng Tuấn Anh	14	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2403921	Nguyễn Thị Bích Hợp	13	100	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2403932	Nguyễn Thị Trúc Linh	15	96	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2403974	Lê Thị Thuỳ Trang	13	95	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 47.652.800 đồng								
321. Lớp: NN2473A2								
1	B2404011	Tạ Anh Hậu	12	91	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404036	Đỗ Hồng Ngọc	13	97	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404079	Nguyễn Trung Vĩnh	15	90	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2404080	Nguyễn Thảo Vy	15	90	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 43.430.400 đồng								
322. Lớp: NN2473A3								
1	B2404091	Phạm Võ Chí Công	13	94	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404130	Mai Hoàng Nhã	13	100	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404137	Cao Thành Phát	13	100	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2404139	Trần Văn Phi	13	95	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 45.240.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
323. Lớp: NN24S1A1								
1	B2406026	Nguyễn Phước Huy	12	97	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406060	Lê Minh Thoại	14	89	4	Giỏi	9.050.000	
3	B2406061	Lâm Thị Phương Thùy	14	97	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2406073	Trần Nguyễn Đông Vy	14	94	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
324. Lớp: NN24S1A2								
1	B2406093	Lê Đức Huy	14	100	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406107	Trương Thị Diễm Mí	13	84	3.46	Giỏi	9.050.000	
3	B2406113	Lê Hoàng Yến Ngọc	13	97	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
325. Lớp: NN24S4A1								
1	B2403860	Nguyễn Hoàng Mỹ Ái	15	82	3.2	Giỏi	9.050.000	
2	B2403892	Nguyễn Thị Cẩm Tú	13	81	3.15	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							16.590.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng								
326. Lớp: NN24S6A1								
1	B2410359	Chung Phát Lợi	15	97	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410433	Đỗ Anh Khoa	14	95	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2410442	Phan Thị Ý Mỹ	14	93	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2410462	Đỗ Nguyễn Quế Tâm	12	97	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
327. Lớp: NN24V8A1								
1	B2409049	Huỳnh Thị Ngọc My	12	84	3.79	Giỏi	8.160.000	
2	B2409082	Tăng Bảo Trân	13	94	3.58	Giỏi	8.160.000	
3	B2409094	Nguyễn Thị Như Ý	13	97	3.88	Xuất sắc	9.520.000	
Cộng lớp:							25.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.376.000 đồng								
328. Lớp: NN24X8A1								
1	B2410387	Đoàn Quốc Thắng	12	92	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410400	Nguyễn Thị Cẩm Vân	13	94	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng								
329. Lớp: NN24X8A2								
1	B2410420	Trần Triệu Giao	13	100	3.25	Giỏi	9.050.000	
2	B2410439	Lê Thị Cẩm Ly	13	92	3.25	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng								
330. Lớp: NN24X9A1								
1	B2410518	Lê Trương Thiên Trang	18	97	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2410519	Trương Thị Kiều Trang	13	95	3.58	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
331. Lớp: SP2201A1								
1	B2200008	Trương Sơn Hà	12	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2200025	Huỳnh Thị Thuý Quỳnh	13	97	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.599.200 đồng								
332. Lớp: SP2202A1								
1	B2200037	Lê Hồ Nhật Huy	13	95	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng								
333. Lớp: SP2209A1								
1	B2200285	Nguyễn Phương Duy	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng								
334. Lớp: SP2210A1								
1	B2200306	Trần Thị Ngọc Linh	15	100	3.6	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.038.400 đồng								
335. Lớp: SP2216A1								
1	B2200603	Nguyễn Thành Sơn	17	90	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.044.800 đồng								
336. Lớp: SP2217A1								
1	B2200615	Nguyễn Phạm Bảo Hân	12	93	3.67	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2200638	Dương Khánh Vy	14	95	3.71	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.599.200 đồng								
337. Lớp: SP2217A2								
1	B2200647	Trịnh Ngọc Hân	12	93	3.75	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2200669	Đặng Phạm Quốc Vương	14	92	3.79	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.089.600 đồng								
338. Lớp: SP2218A1								
1	B2200672	Dương Hoàng Duy	14	98	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng								
339. Lớp: SP22U8A1								
1	B2205350	Phan Văn Kha	14	96	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2205352	Phùng Minh Khánh	16	90	3.94	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2205364	Quách Kim Nguyên	14	81	3.89	Giỏi	7.550.000	
Cộng lớp:							25.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.172.800 đồng								
340. Lớp: SP22X3A1								
1	B2206933	Nguyễn Thảo Duyên	13	100	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2206936	Nguyễn Tuyết Hoa	13	100	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.618.400 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
341. Lớp: SP22X3A2								
1	B2206999	Hà Mẫn Thành	14	94	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2207004	Nguyễn Thị Thủy Tiên	15	100	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.618.400 đồng								
342. Lớp: SP2301A1								
1	B2300004	Thái Đức Hưng	16	92	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2300010	Ngô Thị Như Nguyễn	15	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.096.000 đồng								
343. Lớp: SP2302A1								
1	B2300033	Võ Thành Công	13	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng								
344. Lớp: SP2309A1								
1	B2300304	Nguyễn Văn Nhơn	16	95	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.051.200 đồng								
345. Lớp: SP2310A1								
1	B2300310	Đoàn Nguyễn Gia An	15	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.548.000 đồng								
346. Lớp: SP2316A1								
1	B2300725	Nguyễn Đào Gia Lạc	15	95	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng								
347. Lớp: SP2317A1								
1	B2300739	Nguyễn Kỳ Anh	17	100	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2300744	Tạ Trung Hiếu	16	100	3.9	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2300754	Hồ Huỳnh Bạch Ngân	17	100	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.134.400 đồng								
348. Lớp: SP2318A1								
1	B2300799	Trần Thị Trinh Thu	14	97	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng								
349. Lớp: SP23U8A1								
1	B2305997	Lê Nguyễn Trọng Đức	13	91	3.88	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2306002	Trần Thái Huy	13	97	3.88	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2306017	Phan Tú My	14	96	3.88	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.676.000 đồng								
350. Lớp: SP23X3A1								
1	B2307644	Trần Kiều Ngân	15	97	3.87	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307665	Dương Mộng Tuyền	14	100	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.631.200 đồng								
351. Lớp: SP23X3A2								
1	B2307689	Nguyễn Thị Bảo Ngân	17	96	3.94	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307691	Nguyễn Thanh Bảo Ngọc	15	100	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.115.200 đồng								
352. Lớp: SP2401A1								
1	B2400015	Đào Thiên Lương	13	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2400018	Nguyễn Quang Nghiêm	16	95	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.096.000 đồng								
353. Lớp: SP2402A1								
1	B2400033	Huỳnh Ngọc Hiền	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng								
354. Lớp: SP2409A1								
1	B2400573	Lê Ngọc Hiếu Thuận	14	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng								
355. Lớp: SP2410A1								
1	B2400582	Võ Thị Huỳnh Muội	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng								
356. Lớp: SP2416A1								
1	B2400959	Chiêm Hoàng Ngân Giang	16	100	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 8.554.400 đồng								
357. Lớp: SP2417A1								
1	B2400992	Nguyễn Thị Bảo Huỳnh	12	95	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2400998	Trương Quốc Khánh	15	98	3.93	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2401013	Trần Võ Phương Nhi	12	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
4	B2401044	Lê Thúy Vy	12	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							35.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.224.000 đồng								
358. Lớp: SP2418A1								
1	B2401049	Đinh Tuấn An	13	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.064.000 đồng								
359. Lớp: SP24E1A1								
1	B2405823	Nguyễn Thị Hoài Thư	12	97	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.057.600 đồng								
360. Lớp: SP24E2A1								
1	B2405839	Bùi Thị Tuyết Thơ	12	98	3.79	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.560.800 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
361. Lớp: SP24U8A1								
1	B2408060	Lê Thị Trường An	12	98	3.88	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2408068	Nguyễn Hoàng Đạt	14	94	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2408081	Nguyễn Thị Thu Hồng	13	96	3.88	Xuất sắc	8.810.000	
4	B2408089	Lê Hoàng Kiện	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							35.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.708.000 đồng								
362. Lớp: SP24X3A1								
1	B2410001	Trần Khánh Duy	13	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2410015	Mã Gia Nghi	12	93	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2410042	Huỳnh Đăng Ngọc Ý	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.140.800 đồng								
363. Lớp: SP24X3A2								
1	B2410057	Nguyễn Nhật Hoàng	12	98	4	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2410078	Nguyễn Hoàng Thông	13	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2410083	Nguyễn Đăng Ngọc Trâm	13	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.140.800 đồng								
364. Lớp: TD22X6A1								
1	B2207090	Lê Thị Ngọc Quý	12	98	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2207102	Trần Thị Ngọc Trinh	12	90	3.75	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.599.200 đồng								
365. Lớp: TD23X6A1								
1	B2307757	Nguyễn Hồng Sang Em	17	95	3.85	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2307763	Trần Hồng Huyền	15	100	3.83	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2307789	Lê Toàn Thắng	17	98	3.91	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.172.800 đồng								
366. Lớp: TD24X6A1								
1	B2410144	Phan Hồng Anh	12	92	3.92	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2410181	Bùi Nguyễn Thảo Vy	13	94	3.77	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							17.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.624.800 đồng								
367. Lớp: TN2283A1								
1	B2203129	Nguyễn Thị Thu Hiền	19	97	3.76	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203149	Trần Thanh Quý	14	87	3.57	Giỏi	9.050.000	
3	B2203159	Lê Thị Tường Vi	16	85	3.66	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
368. Lớp: TN2283A2								
1	B2203170	Bùi Văn Dương	13	83	3.46	Giỏi	9.050.000	
2	B2203179	Võ Huỳnh Mai	12	97	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2203185	Nguyễn Hoàng Nhân	13	95	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
369. Lớp: TN2284A1								
1	B2202034	Phạm Ngọc Lạc	12	93	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.270.400 đồng								
370. Lớp: TN22D5A1								
1	B2203891	Đinh Thị Phương Đài	15	90	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203912	Nguyễn Minh Quý	13	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
371. Lớp: TN22D5A2								
1	B2203948	Vương Nguyên Ngọc	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203954	Phan Khương Thành Quý	13	97	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
372. Lớp: TN22S3A1								
1	B2204158	Nguyễn Gia Đạt	14	97	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204172	Lâm Thới Hưng	14	87	3.89	Giỏi	9.050.000	
3	B2204177	Dương Tuấn Khải	14	97	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2204200	Trương Đặng Minh Quốc	13	97	3.65	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
373. Lớp: TN22S5A1								
1	B2202036	Hà Thái Luân	13	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202042	Tăng Thị Kim Ngân	16	95	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2205937	Trần Minh Hải	20	95	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
374. Lớp: TN22S5A2								
1	B2202116	Lâm Phước Muôn	17	92	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202131	Trần Thanh Sang	19	99	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2202140	Đào Nguyễn Minh Thư	16	90	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
375. Lớp: TN22T1A1								
1	B2204220	Văn Quốc Bình	15	90	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2204221	Lê Viễn Châu	16	69	3.56	Khá	7.540.000	
3	B2204238	Phan Hoàng Gia Huy	16	69	3.47	Khá	7.540.000	
4	B2204255	Huỳnh Hoàng Luật	18	76	3.5	Khá	7.540.000	
5	B2204257	Trần Duy Nam	19	67	3.45	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							39.210.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
376. Lớp: TN22T4A1								
1	B2204398	Nguyễn Phước Nguyên	13	90	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204401	Phạm Huỳnh Như	14	95	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.096.000 đồng								
377. Lớp: TN22T5A1								
1	B2204419	Bùi Quốc Anh	14	95	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204458	Trương Hiếu Nghĩa	15	100	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204478	Trương Đức Tín	13	100	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.985.600 đồng								
378. Lớp: TN22T5F1								
1	B2204530	Nguyễn Minh Triều	17	96	3.27	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.708.000 đồng								
379. Lớp: TN22T5F2								
1	B2204531	Dương Đình Trí	13	80	3.31	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.464.000 đồng								
380. Lớp: TN22T6A1								
1	B2204542	Nguyễn Thị Thúy Duy	18	92	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204564	Nguyễn Văn Khôi	16	93	3.78	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204603	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	13	90	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2207135	Dương Quốc Phong	16	87	3.69	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.620.800 đồng								
381. Lớp: TN22T7A1								
1	B2204629	Trương Khánh Hà	16	100	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204640	Lý Phúc Khang	16	100	3.72	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204653	Đào Văn Ngon	19	99	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
382. Lớp: TN22T7A2								
1	B2204702	Phan Văn Tài Em	14	95	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2204719	Huỳnh Văn Khoa	13	89	3.85	Giỏi	9.050.000	
3	B2204747	Trần Phú Thạnh	16	98	3.72	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2204750	Nguyễn Thị Phương Thùy	16	85	3.78	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
383. Lớp: TN22T7F1								
1	B2204767	Nguyễn Trí Cường	13	88	3.81	Giỏi	11.220.000	
2	B2204779	Nguyễn Thanh Hưng	13	92	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
384. Lớp: TN22T7F2								
1	B2204818	Trần Lê Gia Tân	13	90	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2204822	Nguyễn Võ Ngọc Thùy	14	93	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.440.000 đồng								
385. Lớp: TN22T8A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2204862	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	15	84	3.8	Giỏi	9.050.000	
2	B2204877	Lê Tấn Lộc	15	90	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2204885	Lê Chí Nguyên	20	100	3.6	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2204889	Nguyễn Phú Nhuận	17	100	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.001.600 đồng								
386. Lớp: TN22V6A1								
1	B2205706	Trần Gia Bảo	18	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205738	Võ Thị Thúy Quyên	12	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2205749	Dương Châu Ngọc Trinh	15	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
387. Lớp: TN22V6A2								
1	B2205789	Tân Thị Tú Quyên	14	91	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2205792	Lưu Hoàng Duy Thành	15	95	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2205807	Ngô Ngọc Nhật Vương	17	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
388. Lớp: TN22V6F1								
1	B2205818	Nguyễn Thị Thúy Hằng	13	97	3.81	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.716.000 đồng								
389. Lớp: TN22V6F2								
1	B2205813	Trần Ngọc Giàu	15	97	3.8	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.464.000 đồng								
390. Lớp: TN22Y8A1								
1	B2207389	Nguyễn Mạnh Đạt	16	90	3.78	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2207419	Tổng Thanh Phong	15	97	3.7	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2207439	Trần Kim Thuận	13	90	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2207440	Nguyễn Phát Tí	15	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng								
391. Lớp: TN22Z5A1								
1	B2207479	Trần Thị Ngọc Kim Ngân	16	90	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2207496	Trần Tuấn Tài	15	91	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2207501	Lê Thịnh	15	100	3.9	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
392. Lớp: TN2383A1								
1	B2303458	Mã Thị Kim Thư	14	95	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2303459	Lê Vĩnh Tiến	15	87	3.77	Giỏi	9.050.000	
3	B2303461	Đoàn Thị Huỳnh Trân	17	95	3.59	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
393. Lớp: TN2383A2								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2303489	Nguyễn Thị Yến Nhi	12	95	3.5	Giỏi	9.050.000	
2	B2303496	Trần Lê Minh Quân	13	96	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
394. Lớp: TN2384A1								
1	B2302250	Bùi Nguyễn Phúc Luân	15	86	3.71	Giỏi	9.050.000	
2	B2302251	Trần Vũ Luân	17	89	3.79	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng								
395. Lớp: TN23D5A1								
1	B2304268	Nguyễn Ngọc Hân	14	90	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304308	Tạ Lan Vy	14	100	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
396. Lớp: TN23D5A2								
1	B2304325	Trương Thị Diệp Linh	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304335	Võ Thị Quỳnh Như	13	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2304358	Trương Thúy Hà Vy	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
397. Lớp: TN23S3A1								
1	B2304614	Huỳnh Hải Bằng	13	83	3.62	Giỏi	9.050.000	
2	B2304638	Nguyễn Ngọc Gia Hưng	13	81	3.38	Giỏi	9.050.000	
3	B2304642	Trịnh Hồng Khanh	14	87	3.36	Giỏi	9.050.000	
4	B2304669	Nguyễn Ngân Thiện	16	93	3.47	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
398. Lớp: TN23S5A1								
1	B2302244	Nguyễn Tuấn Kiệt	16	92	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302262	Trần Hữu Phát	13	83	3.67	Giỏi	9.050.000	
3	B2302269	Lê Thành Quý	13	82	3.77	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
399. Lớp: TN23S5A2								
1	B2302331	Phạm Khôi Nguyên	17	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2302345	Phạm Duy Tân	12	90	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2302347	Lê Hoàng Thắng	14	92	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
400. Lớp: TN23S7A1								
1	B2304708	Trần Trọng Nghĩa	13	83	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2304712	Huỳnh Thanh Đức Phú	12	95	3.58	Giỏi	9.050.000	
3	B2304725	Châu Thị Ngọc Trâm	13	83	3.25	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
401. Lớp: TN23T1A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2304881	Đoái Phước Bảo	14	69	3.64	Khá	7.540.000	
2	B2304891	Nguyễn Hoàng Hiệp	17	76	3.75	Khá	7.540.000	
3	B2304903	Huỳnh Tấn Lợi	14	75	3.64	Khá	7.540.000	
4	B2304915	Nguyễn Trường Phát	12	90	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							31.670.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
402. Lớp: TN23T4A1								
1	B2305035	Phạm Ngọc Diệu	16	95	3.34	Giỏi	9.050.000	
2	B2305045	Hồ Đình Nhi Khang	17	93	3.44	Giỏi	9.050.000	
3	B2305060	Lương Ngọc Băng Tâm	16	95	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
403. Lớp: TN23T5A1								
1	B2305093	Tiêu Hữu Hậu	13	90	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305135	Lê Minh Nhật	12	100	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2305150	Lư Việt Tiến	12	81	3.91	Giỏi	9.050.000	
4	B2305160	Võ Lê Hồng Yến	12	90	3.68	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng								
404. Lớp: TN23T5F1								
1	B2305164	Ngô Thành Đặng	13	86	3.5	Giỏi	11.220.000	
2	B2305193	Nguyễn Minh Thứ	13	87	3.65	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							22.440.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.448.000 đồng								
405. Lớp: TN23T6A1								
1	B2305233	Lê Phan Nguyên Khánh	14	85	4	Giỏi	9.050.000	
2	B2305236	Trịnh Hoàng Vĩnh Kỳ	14	82	3.65	Giỏi	9.050.000	
3	B2305247	Vưu Quang Nhân	14	93	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2305266	Lê Thanh Toàn	14	88	3.65	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							37.710.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
406. Lớp: TN23T7A1								
1	B2305275	Đỗ Thành An	16	91	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305312	Lê Thị Kiều	15	94	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2305316	Nguyễn Huỳnh Mạnh	15	100	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2305321	Bùi Chí Nhân	14	90	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
5	B2305323	Nguyễn Tấn Phát	16	90	3.66	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							52.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 48.859.200 đồng								
407. Lớp: TN23T7A2								
1	B2305358	Nguyễn Như Băng	16	91	3.78	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2305372	Huỳnh Minh Hậu	16	95	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2305377	Lương Gia Huy	16	93	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2305379	Nguyễn Minh Huy	15	85	3.71	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
408. Lớp: TN23T7F1								
1	B2305458	Nguyễn Bình Thanh Huy	14	88	3.5	Giỏi	11.220.000	
2	B2305500	Lê Minh Tiến	12	96	3.04	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							20.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
409. Lớp: TN23T7F2								
1	B2305436	Nguyễn Tuyết Anh	15	84	3.25	Giỏi	11.220.000	
2	B2305499	Lê Đồng Thức	15	95	2.93	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							20.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng								
410. Lớp: TN23T8A1								
1	B2305515	Trần Ngọc Anh	14	91	3.36	Giỏi	9.050.000	
2	B2305551	Nguyễn Thanh Tiền	14	84	3.25	Giỏi	9.050.000	
3	B2305555	Trần Đình Trọng	12	100	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
411. Lớp: TN23V6A1								
1	B2306381	Nguyễn Hữu Lộc	17	99	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2306412	Huỳnh Phan Khả Trân	19	100	3.95	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2306416	Phan Thị Trúc Vy	17	98	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.160.000 đồng								
412. Lớp: TN23V6A2								
1	B2306428	Nguyễn Gia Huy	19	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2306440	Nguyễn Thanh Nhã	18	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2306471	Huỳnh Thị Mỹ Xuyên	15	97	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
413. Lớp: TN23V6F1								
1	B2306483	Dương Chí Hường	14	90	3.93	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2306504	Nguyễn Anh Thư	14	93	4	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng								
414. Lớp: TN23Y8A1								
1	B2308169	Nguyễn Tấn Đạt	13	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308174	Huỳnh Ngọc Hào	14	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2308180	Võ Đăng Đức Huy	14	92	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2308219	Trần Đức Tiến	13	97	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 41.017.600 đồng								
415. Lớp: TN23Y8F1								
1	B2308238	Bùi Quốc Anh	13	90	3.5	Giỏi	11.220.000	
2	B2308246	Nguyễn Văn Hải	12	95	3.82	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.424.000 đồng								
416. Lớp: TN23Z5A1								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2308287	Đỗ Thanh Đức	14	95	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2308299	Trần Đình Khai	17	89	4	Giỏi	9.050.000	
3	B2308322	Hồ Thị Trúc Phương	16	95	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2308327	Thạch Thảo	12	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.795.200 đồng								
417. Lớp: TN2483A1								
1	B2404511	Nguyễn Văn Nhi Đang	12	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404533	Nguyễn Kim Nghi	12	95	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
418. Lớp: TN2483A2								
1	B2404529	Hồ Thị Thu Muội	14	91	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404539	Đặng Thị Ngọc Nhi	14	95	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
419. Lớp: TN2484A1								
1	B2402907	Trần Hoàng Khang	14	87	3.25	Giỏi	9.050.000	
2	B2402920	Bùi Lê Hoàng Phú	15	97	3.57	Giỏi	9.050.000	
3	B2402931	Lý Minh Thuận	15	100	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
420. Lớp: TN2484A2								
1	B2402942	Nguyễn Tuấn Anh	15	88	3.75	Giỏi	9.050.000	
2	B2402968	Đào Gia Minh	13	93	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2402983	Lê Hoàng Thịnh	14	95	3.61	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.747.200 đồng								
421. Lớp: TN24B1A1								
1	B2405168	Đoàn Văn Hiền	15	88	3.73	Giỏi	9.050.000	
2	B2405171	Đặng Quốc Huy	15	81	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2405180	Nguyễn Lê Phúc Khang	16	95	3.5	Giỏi	9.050.000	
4	B2405184	Nguyễn Đăng Khoa	12	85	3.5	Giỏi	9.050.000	
5	B2405189	Hồ Tuấn Minh	15	80	3.43	Giỏi	9.050.000	
6	B2405215	Nguyễn Hoàng Qui	14	95	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							54.300.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 51.272.000 đồng								
422. Lớp: TN24B2A1								
1	B2405267	Bùi Chánh Hồng Ngọc	14	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405287	Phan Ngọc Vui	13	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.731.200 đồng								
423. Lớp: TN24B3A1								
1	B2405302	Châu Vĩnh Huy	15	100	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405313	Đặng Phan Nhật Minh	15	97	3.89	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
424. Lớp: TN24B3A2								
1	B2405338	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	13	91	3.96	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405369	Bùi Minh Quân	15	100	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
425. Lớp: TN24D5A1								
1	B2405712	Trương Thanh Huy	14	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405741	Lâm Thị Ngọc Thương	14	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405746	Nguyễn Hà Bảo Trân	17	95	3.91	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.763.200 đồng								
426. Lớp: TN24D5A2								
1	B2405773	Phùng Thị Lại	13	97	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2405778	Trần Gia Lưu	15	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2405788	Hồ Trọng Phúc	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
427. Lớp: TN24S3A1								
1	B2406254	Trần Quốc Cường	16	90	3.84	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406266	Lâm Triệu Hiền	12	97	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406286	Trần Hữu Nhân	14	90	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2406306	Nguyễn Minh Thuận	12	91	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.208.000 đồng								
428. Lớp: TN24S7A1								
1	B2406341	Nguyễn Phước Kiệt	13	85	3.65	Giỏi	9.050.000	
2	B2406356	Võ Kiều Quyển Quyển	13	94	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406369	Mai Bảo Hoàng Uyên	13	88	3.62	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.556.800 đồng								
429. Lớp: TN24S7A2								
1	B2406386	Phạm Chí Hiếu	13	91	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2406401	Hồ Minh Nhí	13	92	3.46	Giỏi	9.050.000	
3	B2406404	Nguyễn Hồ Hồng Phúc	13	88	3.69	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
430. Lớp: TN24T1A1								
1	B2406662	Nguyễn Hùng Cường	13	84	2.96	Khá	7.540.000	
2	B2406681	Nguyễn Hoàng Phương Hoa	13	93	3.38	Giỏi	9.050.000	
3	B2406732	Trần Chánh Thi	13	90	3.08	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							24.130.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
431. Lớp: TN24T1A2								
1	B2406667	Tô Chí Đàm	16	86	3.7	Giỏi	9.050.000	
2	B2406699	Bùi Đại Lợi	13	97	3.5	Giỏi	9.050.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2406712	Phạm Hoàng Thảo Nhi	12	97	3.46	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.937.600 đồng								
432. Lớp: TN24T4A1								
1	B2406859	Lê Chí Bảo	12	95	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406864	Nguyễn Trung Bình	14	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406884	Nguyễn Khải Minh	12	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.350.400 đồng								
433. Lớp: TN24T5A1								
1	B2406915	Trần Hữu Bằng	12	100	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2406924	Lê Minh Hải	12	93	3.82	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2406948	Nguyễn Phước Sang	12	92	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
434. Lớp: TN24T5A2								
1	B2406968	Đỗ Dũ Bằng	12	81	4	Giỏi	9.050.000	
2	B2406977	Trần Nguyễn Gia Hào	12	86	4	Giỏi	9.050.000	
3	B2407015	Ngô Quang Vinh	14	95	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							28.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.953.600 đồng								
435. Lớp: TN24T5F1								
1	B2407019	Nguyễn Trần Gia Bảo	12	100	4	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2407039	Trịnh Hoàng Khải	15	85	3.71	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.928.000 đồng								
436. Lớp: TN24T6A1								
1	B2407102	Nguyễn Minh Khánh	13	95	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407150	Trần Châu Tuấn	12	93	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
437. Lớp: TN24T6A2								
1	B2407142	Phạm Hữu Thịnh	13	97	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407147	Trần Quốc Toàn	12	97	3.59	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
438. Lớp: TN24T7A1								
1	B2407200	Nguyễn Minh Quân	15	96	3.63	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407206	Võ Tuấn Thanh	15	85	3.83	Giỏi	9.050.000	
3	B2407209	Nguyễn Hoàng Thiện	15	100	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2407211	Võ Tuấn Thơm	13	91	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							40.730.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
439. Lớp: TN24T7A2								
1	B2407242	Phạm Gia Huy	16	91	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2407252	Trương Hoàng Khôi	15	90	3.71	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
3	B2407285	Nguyễn Mạnh Tường	14	93	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 36.192.000 đồng								
440. Lớp: TN24T7A3								
1	B2407320	Huỳnh Tuấn Kiệt	14	90	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2407322	Nguyễn Long	12	97	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2407341	Trần Đức Thành	14	86	3.39	Giỏi	9.050.000	
4	B2407355	Nguyễn Trí Vũ	15	96	3.57	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
441. Lớp: TN24T7F1								
1	B2407370	Nguyễn Thành Đăng	13	85	3.69	Giỏi	11.220.000	
2	B2407426	Nguyễn Quốc Thái	13	86	3.54	Giỏi	11.220.000	
3	B2407450	Mạnh Văn Vẹn	13	86	3.69	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							33.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.416.000 đồng								
442. Lớp: TN24T7F2								
1	B2407407	Nguyễn Chí Nguyên	13	97	3.5	Giỏi	11.220.000	
2	B2407421	Đỗ Hữu Tài	13	85	3.77	Giỏi	11.220.000	
3	B2407430	Nguyễn Thành Thông	13	83	3.77	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							33.660.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
443. Lớp: TN24T8A1								
1	B2407456	Nguyễn Ngọc Vân Anh	14	92	3.15	Khá	7.540.000	
2	B2407458	Thái Thị Huyền Anh	14	95	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2407465	Phù Khã Dương	12	82	2.95	Khá	7.540.000	
4	B2407514	Lê Phạm Thảo Vy	14	92	3.19	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							33.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 31.366.400 đồng								
444. Lớp: TN24V6A1								
1	B2408629	Trần Anh Kiệt	13	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408645	Võ Tiến Sĩ	16	98	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2408656	La Mai Trâm	15	90	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 34.382.400 đồng								
445. Lớp: TN24V6A2								
1	B2408687	Liêu Quốc Khiêm	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2408694	Nguyễn Kim Ngân	13	95	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2408698	Võ Lư Ái Nhi	12	93	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.176.000 đồng								
446. Lớp: TN24V6F1								
1	B2408730	Huỳnh Hoa	12	100	3.63	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2408764	Phạm Thị Minh Thu	12	92	3.71	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.180.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
447. Lớp: TN24Y8A1								
1	B2410530	Châu Thế Anh	14	97	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2410536	Phan Quốc Bảo	17	90	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2410568	Trương Phi Long	12	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2410590	Đoàn Thảo	14	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.636.800 đồng								
448. Lớp: TN24Y8F1								
1	B2410598	Đinh Kiến Trọng	16	90	3.75	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2410610	Võ Nam Anh	15	92	3.86	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							26.180.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 29.172.000 đồng								
449. Lớp: TS2213A1								
1	B2200329	Ngô Thị Như Huỳnh	12	80	3.25	Giỏi	9.050.000	
2	B2200350	Đặng Uyên Phương	13	84	3.54	Giỏi	9.050.000	
3	B2200355	Võ Ngọc Đan Thanh	13	88	3.62	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
450. Lớp: TS2213A2								
1	B2200371	Trần Thị Kim Anh	13	93	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200397	Văn Tự Nguyễn	13	91	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
451. Lớp: TS2213A3								
1	B2200434	Nguyễn Kim Huyền	12	97	3.75	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2200447	Trần Lâm Trúc Ngân	14	100	3.93	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2200470	Trần Thị Bích Tuyền	14	98	3.86	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
452. Lớp: TS2213A4								
1	B2200480	Trần Khánh Duy	12	91	3.58	Giỏi	9.050.000	
2	B2200490	Nguyễn Vũ Khang	13	71	3.58	Khá	7.540.000	
3	B2200502	Nguyễn Bình Nguyên	12	75	3.67	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							24.130.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
453. Lớp: TS2213T1								
1	B2200532	Nguyễn Chí Bảo	18	88	3.28	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.220.000 đồng								
454. Lớp: TS2213T2								
1	B2200565	Huỳnh Ngọc Thuận	20	71	3	Khá	9.350.000	
2	B2200580	Phạm Thị Cẩm Tú	20	65	3.17	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							18.700.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 14.212.000 đồng								
455. Lớp: TS2276A1								
1	B2202814	Thạch Quy Chäte	16	69	3.13	Khá	7.540.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
2	B2202830	Đỗ Thị Hồng Ngân	12	69	3.14	Khá	7.540.000	
3	B2202834	Võ Thị Kim Ngọc	12	67	2.58	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							22.620.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
456. Lớp: TS2276A2								
1	B2202880	Trần Bích Ngọc	13	93	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2202882	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	12	93	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								
457. Lớp: TS2282A1								
1	B2202975	Hoàng Việt Anh	12	90	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203003	Nguyễn Hoàng Linh	12	86	4	Giỏi	9.050.000	
3	B2203010	Nguyễn Thị Thảo Ngân	12	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							30.170.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.572.800 đồng								
458. Lớp: TS2282A2								
1	B2203074	Phan Mộng Kiều	12	90	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2203079	Nguyễn Mỹ Mỹ	12	92	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2203080	Trần Ngô Xuân Mỹ	12	90	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 33.779.200 đồng								
459. Lớp: TS2313A1								
1	B2300345	Nguyễn Nhật Hào	17	93	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300354	Đỗ Ngọc Dương Khang	18	93	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300366	Nguyễn Minh Lợi	13	100	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300384	Trần Duy Phát	16	91	3.84	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 39.811.200 đồng								
460. Lớp: TS2313A2								
1	B2300422	Trần Gia Đạt	13	97	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300449	Lương Tuấn Minh	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300460	Phạm Thị Nhớ	15	91	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300485	Lê Thị Bích Trâm	15	95	3.87	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
461. Lớp: TS2313A3								
1	B2300502	Nguyễn Thị Anh Đào	15	92	3.6	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300543	Phạm Minh Nhựt	15	100	3.69	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300557	Phan Thiên Thiên	13	93	3.85	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2300561	Nguyễn Ngọc Anh Thư	16	96	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
462. Lớp: TS2313A4								
1	B2300603	Văn Quốc Kiệt	15	95	3.8	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2300620	Danh Thị Yến Nhi	13	94	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2300636	Nguyễn Tấn Thành	13	90	3.69	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							31.680.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.588.800 đồng								
463. Lớp: TS2313T1								
1	B2306480	Trần Lê Kim Hoàng	18	91	3.68	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng								
464. Lớp: TS2376A1								
1	B2303129	Đỗ Thị Thúy Quyền	12	98	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303143	Lương Phương Tường	12	94	3	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.302.400 đồng								
465. Lớp: TS2376A2								
1	B2303167	Đặng Thanh Phong	13	98	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303184	Nguyễn Công Vinh	12	100	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
466. Lớp: TS2382A1								
1	B2303265	Huỳnh Thị Thùy Dương	16	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303277	Trần Quốc Khanh	13	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303318	Nguyễn Thị Minh Thùy	17	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2303333	Biện Thị Tường Vy	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
467. Lớp: TS2382A2								
1	B2303340	Nguyễn Quốc Bảo	13	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2303351	Lê Thị Thùy Dương	17	90	3.88	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2303379	Trần Kim Ngân	17	98	3.94	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2303412	Mai Thuận Triều	13	90	3.83	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 44.033.600 đồng								
468. Lớp: TS23S2A1								
1	B2304507	Phạm Thị Điễm	15	96	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304508	Hà Thị Ngọc Hân	15	98	3.71	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
469. Lớp: TS23S2A2								
1	B2304565	Sơn Trung Hiếu	16	95	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2304570	Hồ Hoàng Kha	16	83	3.77	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
470. Lớp: TS2413A1								
1	B2400608	Phan Trường Đạt	16	87	3.2	Giỏi	9.050.000	
2	B2400627	Lê Tuấn Khôi	12	93	3.59	Giỏi	9.050.000	
3	B2400631	Trần Nhật Linh	13	79	3.32	Khá	7.540.000	
4	B2400674	Ngô Triệu Vy	12	86	3.27	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							34.690.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 37.398.400 đồng								
471. Lớp: TS2413A2								
1	B2400682	Phan Thiện Chương	13	95	3.64	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2400695	Phan Thị Kim Hân	14	96	3.62	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400700	Dương Thanh Khang	16	91	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2400753	Trần Chí Vĩ	14	91	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
472. Lớp: TS2413A3								
1	B2400783	Nguyễn Hoàng Khánh	17	88	3.87	Giỏi	9.050.000	
2	B2400801	Nguyễn Khánh Nguyên	15	90	3.42	Giỏi	9.050.000	
3	B2400827	Nguyễn Bảo Trọng	15	92	3.42	Giỏi	9.050.000	
4	B2400833	Hồ Khánh Vy	16	84	3.54	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							36.200.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
473. Lớp: TS2413A4								
1	B2400842	Lê Bùi Ngọc Diễm	13	100	3.32	Giỏi	9.050.000	
2	B2400853	Trần Ngọc Hân	16	90	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2400887	Trương Hoài Phú	14	95	3.35	Giỏi	9.050.000	
4	B2400901	Nguyễn Lâm Khang Tính	14	96	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							39.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 38.604.800 đồng								
474. Lớp: TS2413T1								
1	B2400915	Lê Hoài Bảo	14	85	3.79	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							11.220.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 5.984.000 đồng								
475. Lớp: TS2476A1								
1	B2404224	Huỳnh Thị Phương Quyên	16	90	3.73	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2404226	Nguyễn Thanh Tâm	13	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
3	B2404244	Huỳnh Minh Toàn	14	90	3.81	Xuất sắc	10.560.000	
4	B2404254	Nguyễn Quốc Vinh	13	90	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							42.240.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 40.414.400 đồng								
476. Lớp: TS2482A1								
1	B2404347	Nguyễn Quốc Hào	13	85	3.38	Giỏi	9.050.000	
2	B2404363	Võ Hoài Nghi	14	82	3.27	Giỏi	9.050.000	
3	B2404384	Lâm Thị Như Tuyết	13	82	3.33	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.128.000 đồng								
477. Lớp: TS2482A2								
1	B2404401	Đỗ Trần Bảo Hân	14	93	3.23	Giỏi	9.050.000	
2	B2404420	Nguyễn Hiếu Nhân	14	98	3.38	Giỏi	9.050.000	
3	B2404443	Huỳnh Thị Như Ý	15	77	3.43	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							25.640.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 26.540.800 đồng								
478. Lớp: TS2482A3								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1	B2404452	Phạm Thành Đạt	16	91	3.3	Giỏi	9.050.000	
2	B2404466	Nguyễn Thành Luân	16	93	3.5	Giỏi	9.050.000	
3	B2404469	Huỳnh Thị Kim Ngân	12	91	3.42	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 27.144.000 đồng								
479. Lớp: TS24S2A1								
1	B2406162	Nguyễn Hoài Linh	12	88	3.82	Giỏi	9.050.000	
2	B2406183	Nguyễn Thị Mai Thi	13	90	3.67	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.524.800 đồng								
480. Lớp: TS24S2A2								
1	B2406197	Nguyễn Văn An	12	82	3.32	Giỏi	9.050.000	
2	B2406227	Nguyễn Mộng Nghi	12	91	3.77	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
481. Lớp: HG23W8A1								
1	B2307474	Trang Hồng Duyên	15	93	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307513	Võ Anh Thư	15	83	3.86	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng								
482. Lớp: HG24N2A1								
1	B2405978	Lê Thị Trúc Ly	14	90	3.79	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405994	Nguyễn Thanh Thu	14	100	3.71	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.424.000 đồng								
483. Lớp: ML22U3A1								
1	B2205046	Nguyễn Gia Huy	13	100	3.81	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2205071	Nguyễn Lâm Anh Thư	13	94	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.840.000 đồng								
484. Lớp: ML22V9A1								
1	B2206091	Lê Anh Duy	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206117	Trần Hồng Thảo	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng								
485. Lớp: ML22X4A1								
1	B2207013	Phạm Văn Bách	12	80	3.58	Giỏi	7.550.000	
2	B2207022	Nguyễn Huỳnh Khả Hân	14	85	3.71	Giỏi	7.550.000	
3	B2207066	Huỳnh Thảo Vy	15	92	3.61	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							23.910.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.650.400 đồng								
486. Lớp: ML23U3A1								
1	B2305677	Nguyễn Thị Vân Anh	12	100	3.64	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2305722	Lê Cao Vy	12	83	3.27	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
487. Lớp: ML23V9A1								
1	B2306775	Võ Tuyết Nghi	15	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2306795	Huỳnh Anh Tuấn	15	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2306799	Nguyễn Hoàng Nhật Vy	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
488. Lớp: ML23X4A1								
1	B2307739	Trần Thị Ngọc Trang	19	100	3.84	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							8.810.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.580.000 đồng								
489. Lớp: ML24U3A1								
1	B2407734	Trần Hà My	14	100	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2407746	Lê Thị Tuyết Phượng	17	100	3.41	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							17.160.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.536.000 đồng								
490. Lớp: ML24U3A2								
1	B2407776	Nguyễn Đăng Khôi	14	100	3.32	Giỏi	7.920.000	
2	B2407784	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	12	87	3.46	Giỏi	7.920.000	
3	B2407809	Phạm Ngọc Thảo Xuân	13	98	3.27	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
491. Lớp: ML24V9A1								
1	B2409112	Cao Thị Kim Lộc	14	98	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409141	Huỳnh Thị Yến Vy	13	100	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
492. Lớp: ML24V9A2								
1	B2409165	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	18	87	3.56	Giỏi	7.920.000	
2	B2409193	Lê Thị Thảo Vy	14	97	3.36	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							15.840.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.896.000 đồng								
493. Lớp: ML24X4A1								
1	B2410097	Phạm Nguyễn Khánh Bằng	15	98	3.82	Xuất sắc	8.810.000	
2	B2410137	Hồ Minh Tiến	12	100	4	Xuất sắc	8.810.000	
3	B2410142	Lâm Ngọc Tuyết	15	93	3.68	Xuất sắc	8.810.000	
Cộng lớp:							26.430.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.644.000 đồng								
494. Lớp: XH2280A1								
1	B2202904	Nguyễn Phạm Thu An	12	90	3.58	Giỏi	7.920.000	
2	B2202919	Nguyễn Thị Thu Hằng	14	87	3.58	Giỏi	7.920.000	
3	B2202961	Thị Bảo Trân	13	81	3.62	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							23.760.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.816.000 đồng								
495. Lớp: XH22U4A2								
1	B2205168	Võ Thị Bích Trân	13	75	3.81	Khá	6.600.000	
Cộng lớp:							6.600.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.480.000 đồng								
496. Lớp: XH22W7A1								
1	B2206607	Huỳnh Minh Châu	13	99	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206634	Phan Vĩnh Tấn	16	97	3.69	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng								
497. Lớp: XH22W7A2								
1	B2206669	Phạm Hoan Nhiệm	12	90	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206679	Nguyễn Thị Thủy Tiên	12	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
498. Lớp: XH22W8A1								
1	B2206701	Võ Thị Bích Kiều	13	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206722	Võ Thị Tuyết Thương	13	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
499. Lớp: XH22W8A2								
1	B2206733	Đinh Thị Lan Anh	13	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2206736	Võ Văn Chiêu	13	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2206749	Nguyễn Ram Ly	13	86	4	Giỏi	7.920.000	
Cộng lớp:							26.400.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
500. Lớp: XH2380A1								
1	B2303186	Nguyễn Mỹ An	18	93	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2303223	Huỳnh Kim Thiên Thanh	18	100	3.75	Xuất sắc	9.240.000	
3	C2300101	Lê Diễm Nhi	18	93	3.67	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 28.512.000 đồng								
501. Lớp: XH23U4A1								
1	B2305743	Nguyễn Huỳnh Tuyết Nga	15	99	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2305744	Lê Nguyễn Ngọc Ngân	16	93	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.368.000 đồng								
502. Lớp: XH23U4A2								
1	B2305779	Trần Thị Như Huỳnh	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2305785	Phạm Thị Trúc Mi	14	99	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.008.000 đồng								
503. Lớp: XH23W7A1								
1	B2307299	Lý Thị Tuyết Hoa	15	100	3.82	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307327	Huỳnh Điền Trăn	15	100	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.592.000 đồng								
504. Lớp: XH23W7A2								
1	B2307347	Phan Thị Ngọc Kiều	15	98	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307352	Huỳnh Khánh Ngọc	13	95	3.88	Xuất sắc	9.240.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.064.000 đồng								
505. Lớp: XH23W8A1								
1	B2307385	Trần Thị Bích Huyền	14	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307390	Châu Thị Bích Loan	15	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.648.000 đồng								
506. Lớp: XH23W8A2								
1	B2307422	Lê Hoàng Bảo	17	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2307448	Lư Thị Hồng Phụng	14	99	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							18.480.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.120.000 đồng								
507. Lớp: XH2480A1								
1	B2404294	Phan Kim Ngân	13	95	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2404316	Trần Thị Thanh Thảo	14	94	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2404317	Huỳnh Lê Anh Thơ	13	100	3.83	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 32.208.000 đồng								
508. Lớp: XH24N1A1								
1	B2405855	Lê Thị Mộng Cầm	15	99	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405862	Trần Văn Đệ	12	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2405871	Nguyễn Trung Hiếu	12	100	3.86	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.624.000 đồng								
509. Lớp: XH24N2A1								
1	B2405940	Lê Phan Ngọc Nhi	13	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2405961	Phạm Kim Phương Vy	15	100	3.93	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2405963	Nguyễn Thị Kim Yên	15	100	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.288.000 đồng								
510. Lớp: XH24U4A1								
1	B2407828	Vũ Mai Khánh Linh	13	100	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2407829	Lâm Thị Mỹ Ly	14	96	3.92	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2407871	Trần Diễm Thy	14	95	4	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							27.720.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 30.096.000 đồng								
511. Lớp: XH24W7A1								
1	B2409821	Nguyễn Vĩ Lộc	14	96	3.77	Xuất sắc	9.240.000	
2	B2409834	Nguyễn Trần Thoại Như	12	95	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
3	B2409835	Trần Thị Huỳnh Như	14	100	3.65	Xuất sắc	9.240.000	
4	B2409872	Trà Văn Ý	16	93	3.73	Xuất sắc	9.240.000	
Cộng lớp:							36.960.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 35.376.000 đồng								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ